



# THÔNG TIN

# Khoa học & Công nghệ

**Bản tin**

Số 04-2010 (70)

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG - 35 TRẦN HƯNG ĐẠO - ĐÀ LẠT - ĐT: 063.3821377



**KHÁNH THÀNH TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH NÔNG SẢN BẢO LỘC**  
**24 - 12 - 2010**

- Hoạt động Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng năm 2010 và những định hướng giai đoạn 2011 - 2015
- Phát huy giá trị di sản văn hoá ở Lâm Đồng - Thực trạng và giải pháp
- Áp dụng GlobalGAP trong sản xuất nông sản tại Lâm Đồng
- Hoạt động nuôi cấy mô phục vụ sản xuất của trung tâm ứng dụng KH-CN



# Thông tin

# Khoa học & công nghệ

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG

Số 04.2010

## TRONG SỐ NÀY

**Chịu trách nhiệm xuất bản:**

**NGUYỄN MINH TÂM**

**Biên tập:**

**NGÔ ĐÌNH VĂN CHÂU**

**HUỲNH THANH MAI**

**NGUYỄN THANH NHÀN**

**Trình bày:**

**NGUYỄN HỮU THANH TUỆ**

**Ảnh bìa:**

Trung tâm kiểm định nông sản

Bảo Lộc

- 1 **Phạm S** - Hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng năm 2010 và những định hướng giai đoạn 2011 - 2015
- 3 **Đoàn Hữu Ngạn** - Hoạt động khoa học và công nghệ cấp huyện của tỉnh Lâm Đồng
- 5 **Trương Ngọc Lý** - Đào tạo nghề cho nông dân góp phần thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn tỉnh Lâm Đồng
- 7 **Dương Huỳnh** - Phát huy giá trị di sản văn hóa ở Lâm Đồng thực trạng và giải pháp
- 9 **Võ Khiếm** - Chuyển giao khoa học công nghệ cho nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số
- 13 **Nguyễn Tú Uyên** - Áp dụng GlobalGAP trong sản xuất nông sản tại Lâm Đồng
- 15 **Hoàng Thị Cẩm Tú** - Hỗ trợ doanh nghiệp thông qua hoạt động TBT
- 16 Công nghệ cần bán
- 17 **Thanh Dương Hồng** - Nhìn lại 2 năm “nối mạng tri thức” cho thanh niên Lâm Đồng
- 19 **Phạm Ngọc Bảo Đa** - Hoạt động nuôi cấy mô phục vụ sản xuất của Trung tâm Ứng dụng KHCN
- 21 **Châu Thị Minh Long** - Mô hình nông thôn mới dựa vào cộng đồng
- 24 **Nguyễn Tấn Châu** - Chỉ số phát triển con người tỉnh Lâm Đồng
- 27 **Dương Thọ Biên** - Những cây hoa làm thuốc
- 29 **Hoàng Huy Liệu** - Vấn đề sử dụng vaccin để phòng bệnh heo tai xanh
- 31 **Phan Bốn** - Dinh dưỡng của trái bơ
- 32 Tin hoạt động Khoa học Công nghệ



Giấy phép xuất bản số 17/GPXB-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 23.12.2010.

Sắp chữ tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng. In tại Xi nghiệp Bản đồ Đà Lạt. Số lượng: 700 bản. In xong và nộp lưu chiểu tháng 12.2010

## HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2010 VÀ NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

**TS. PHẠM S**

*Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng*

**Đ**ể phát huy hiệu quả tích cực của khoa học và công nghệ đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, hàng năm tỉnh Lâm Đồng đã dành nguồn kinh phí ngày càng tăng cho nghiên cứu KHCN. Chính vì vậy, việc phát triển và ứng dụng các thành tựu của KHCN vào sản xuất và đời sống tại Lâm Đồng đã mang lại một diện mạo mới cho vùng đất Nam Tây Nguyên này. Dưới đây là một số kết quả hoạt động chính của năm 2010.

### *Công tác quản lý khoa học và công nghệ*

Là cơ quan quản lý, Sở luôn chủ động tham mưu UBND tỉnh những định hướng đầu tư các chương trình dự án khoa học mang tính thiết thực, giải quyết hài hòa giữa lý luận và thực tiễn phục vụ sản xuất và đời sống, góp phần vào việc hoàn thành kế hoạch năm 2010 của địa phương. Tiếp tục đẩy mạnh các chương trình trọng tâm của tỉnh, Sở KHCN đã có nhiều ý tưởng mang tính đột phá, chủ động đề xuất và xây dựng chương trình hoạt động KHCN, làm cơ sở để triển khai thực hiện trong năm 2011 và những năm sau. Những chương trình dự án lớn có thể kể đến: Chương trình phát triển, ứng dụng bức xạ và kỹ thuật hạt nhân trong nông nghiệp ở Lâm Đồng giai đoạn 2011-2020; Quy hoạch KHCN giai đoạn 2011-2020; Quỹ KHCN,...

Hoạt động hợp tác quốc tế cũng được đẩy mạnh thông qua các hội thảo như hội thảo quốc tế với chủ đề *Ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp công nghệ cao*, qua đó đề xuất những vấn đề lớn để phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh Lâm Đồng. Đồng thời đã tổ chức đoàn công tác học tập về công nghệ

sinh học và nông nghiệp công nghệ cao tại Đài Loan. Thông qua chuyên công tác này nắm bắt những thông tin hữu ích và ứng dụng vào điều kiện thực tiễn của Lâm Đồng để xây dựng Trung tâm xuất sắc của tỉnh. Hiện nay, sau khi được Bộ KHCN và UBND tỉnh cho chủ trương, Sở đang tiến hành xây dựng dự án Trung tâm xuất sắc về công nghệ sinh học và nông nghiệp công nghệ cao tại huyện Lạc Dương và Trung tâm chiếu xạ nông sản tại thành phố Bảo Lộc.

Bên cạnh công tác tham mưu, hoạt động quản lý KHCN đã đạt được nhiều kết quả tốt. Trong năm qua Sở đã nghiệm thu 14 đề tài, 13 mô hình, nhiều đề tài/dự án mang lại hiệu quả cao, điển hình như đề tài *Xây dựng bản đồ quản lý nước ngầm toàn tỉnh Lâm Đồng* làm tư liệu giúp cho các ngành, địa phương trong tỉnh có cơ sở quản lý, khai thác sử dụng và bảo vệ nguồn tài nguyên nước của tỉnh; đề tài *Nghiên cứu đánh giá thực trạng sử dụng một số lâm sản ngoài gỗ tỉnh Lâm Đồng* đưa ra các dự báo và đề xuất khai thác hiệu quả, sử dụng hợp lý, bền vững,... Kết quả các đề tài, dự án sau khi nghiệm thu đã được đưa vào ứng dụng, triển khai trong thực tiễn sản xuất và đời sống.

Ngoài việc triển khai các đề tài, dự án của tỉnh, Sở cũng đã bảo vệ thành công 3 dự án nông thôn miền núi cấp Nhà nước, trong đó 2 dự án thực hiện trong kế hoạch 2011. Những dự án này được triển khai sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn miền núi, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Vấn đề quản lý công nghệ cũng đã được thường xuyên quan tâm qua việc tổ chức các

đợt tập huấn về chuyên giao công nghệ; hỗ trợ đơn vị, doanh nghiệp ứng dụng KHCN; đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh. Trong năm qua Sở đã hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (ISO, GAP, HACCP) cũng như tham gia các chợ công nghệ thiết bị lớn như Chợ Công nghệ Thiết bị Quảng Ninh, Hà Nội để quảng bá, giới thiệu sản phẩm.

Ngoài hoạt động quản lý thường xuyên về sở hữu trí tuệ, Sở đã hướng, hỗ trợ cho UBND huyện Đơn Dương, Di Linh, thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc xây dựng đề cương các nhãn hiệu chứng nhận triển khai giai đoạn II “Quản lý và phát triển”; đề xuất dự án tuyên truyền SHTT năm 2011, phân đấu đến năm 2012, Lâm Đồng sẽ là địa phương có số thương hiệu chỉ dẫn địa lý đứng đầu cả nước.

Nhìn chung công tác quản lý khoa học và công nghệ đã được đầu tư nhiều hơn, chủ động hơn và hiệu quả cũng ngày một cao hơn.

Quản lý khoa học công nghệ cơ sở cũng được quan tâm thích đáng, giúp cho địa phương chủ động trong quản lý và triển khai nhiệm vụ KHCN trên địa bàn. Nhiều đề tài/ dự án mới được đưa vào thực hiện mang lại hiệu quả kinh tế cao như đề tài *Ứng dụng chế phẩm sinh học để xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp thành phân bón hữu cơ vi sinh; Hoàn thiện và chuyên giao quy trình sản xuất meo giống nấm bào ngư...*;

Hoạt động thông tin KHCN của tỉnh được đẩy mạnh, đã hình thành mạng lưới với 83 điểm thông tin xã/phường, phục vụ tốt cho các chương trình nông nghiệp nông thôn.

#### **Công tác quản lý đo lường**

Hoạt động quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng là vấn đề luôn được lãnh đạo sở quan tâm chỉ đạo sát sao, đảm bảo quyền lợi cho người tiêu dùng trong toàn tỉnh. Sở đã chủ động hướng dẫn doanh nghiệp tuân thủ các quy định pháp luật trong lĩnh vực tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng như áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, công bố chất lượng sản phẩm,...

Ngoài ra, đơn vị chuyên môn thường xuyên duy trì hoạt động của TBT một cách hiệu quả thông qua những cảnh báo trong hoạt động xuất khẩu, giúp doanh nghiệp hiểu và nắm rõ thông tin khi xuất khẩu những sản phẩm chủ lực của tỉnh.

#### **Hoạt động ứng dụng KHCN**

Trong năm 2010, hoạt động của các đơn vị sự nghiệp thuộc sở đã có nhiều chuyển biến tích cực, đi vào chiều sâu và phát huy nguồn lực KHCN được đầu tư; đặc biệt là việc đưa Trung tâm Phân tích và Chứng nhận chất lượng đi vào hoạt động ổn định, sau khi đã được đầu tư cơ bản về cơ sở vật chất. Trong thời gian tới, với hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 17025 và Guide 65, Trung tâm Phân tích và Chứng nhận chất lượng sẽ tạo nhiều thuận lợi cho doanh nghiệp trong tỉnh sản xuất, kinh doanh ngày một hiệu quả hơn.

Trong khi đó, Trung tâm ứng dụng KHCN cũng ngày càng khẳng định mình qua việc xây dựng thành công nhiều mô hình dự án ứng dụng KHCN triển khai tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Qua đó đã góp phần xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống của nhân dân trong vùng.

#### **Những định hướng lớn giai đoạn 2011 - 2015**

Trên cơ sở đặc thù phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong thời gian tới ngành KHCN của tỉnh sẽ triển khai Quy hoạch KHCN giai đoạn 2011-2020, thực hiện nghiên cứu các đề tài KHCN trong lĩnh vực về xã hội và nhân văn, quản lý, giáo dục; sinh học, y tế; nông, lâm nghiệp; du lịch và môi trường, công nghiệp và thông tin tuyên truyền, tập trung vào một số lĩnh vực sau:

1. Nghiên cứu quản lý hiệu quả về tài nguyên thiên nhiên, trên cơ sở tổng kết các nguồn tài nguyên đất, nước (nước ngầm và nước mặt). Tìm giải pháp khai thác hiệu quả, nghiên cứu các cơ sở khoa học trong điều kiện

(Xem tiếp trang 12)

## HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP HUYỆN CỦA TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2010

**ĐOÀN HỮU NGẠN**

*Phòng Quản lý Khoa học và công nghệ cơ sở*

Thực hiện Thông tư 05/2008/TTLT-BKHCN-BNV ngày 18/6/2008 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nội vụ, hệ thống bộ máy quản lý nhà nước trên lĩnh vực khoa học và công nghệ (KHCN) ở cấp huyện thuộc tỉnh Lâm Đồng đã được thành lập nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước, nâng cao hiệu quả hoạt động KHCN cấp cơ sở.

Phòng công thương/kinh tế là cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân cấp huyện và tham mưu, giúp ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về KHCN trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của Sở KHCN.

Phòng công thương/kinh tế có chức năng chính như xây dựng kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm; tham mưu thành lập và làm thường trực hội đồng KHCN cấp huyện; tổ chức thực hiện văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch KHCN; thông tin tuyên truyền về KHCN; quản lý hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng,...

Tuy mới thành lập, nhưng các phòng công thương/kinh tế của tỉnh đã có nhiều cố gắng, thực hiện hiệu quả các hoạt động quản lý, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số; vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

### **Kết quả hoạt động trong năm 2010**

#### *Hoạt động nghiên cứu áp dụng KHCN*

Tính đến nay, 12 huyện/thành phố đã kiện toàn hội đồng KHCN của mình; hầu hết chủ tịch hội đồng là phó chủ tịch các huyện/thành

phố. Hội đồng KHCN cấp huyện thực hiện việc xác định nhiệm vụ, xét duyệt đề cương và nghiệm thu các đề tài/dự án KHCN tại địa phương theo quy định.

Trong năm qua, các cơ quan quản lý KHCN cơ sở đã chủ động bám sát các quy định về quản lý nhiệm vụ KHCN của tỉnh. Năm 2010, có 34 đề tài/dự án được triển khai tại tất cả các huyện trong tỉnh. Nổi bật nhất là những đề tài/dự án về xây dựng, triển khai các mô hình áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống nhân dân, tạo ra các ngành nghề mới, mang lại thu nhập cao, giải quyết nguồn lao động nhân rỗi; tạo điều kiện để người dân tiếp cận những thông tin thiết thực phục vụ cho hoạt động sản xuất và đời sống.

Nhiều mô hình áp dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất có hiệu quả cao như *Mô hình điểm sáy cà phê theo nhóm hộ gia đình* tại huyện Di Linh; *Ứng dụng công nghệ thu hoạch lúa bằng máy gặt đập bành xích liên hợp* tại địa bàn huyện Đạ Tẻh; *Mô hình cải tạo nâng cao năng suất cây cà phê* trên địa bàn xã Liêng Srônh huyện Đam Rông. Nhiều đề tài/dự án mới được đưa vào thực hiện mang lại hiệu quả kinh tế cao như đề tài *Ứng dụng chế phẩm sinh học để xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp thành phân bón hữu cơ vi sinh*; *Hoàn thiện và chuyên giao quy trình sản xuất meo giống nấm bào ngư*; *Ứng dụng công nghệ sinh học trong nghiên cứu quy trình nhân giống vô tính cây thiên điều (Strelitzia reginae)*,...

#### *Hoạt động phổ biến thông tin KHCN*

Phát huy hiệu quả hoạt động của các điểm thông tin xã của năm trước, năm 2010, một



số huyện đã đầu tư xây dựng thêm 25 điểm thông tin KHCN xã, nâng tổng số điểm thông tin cấp xã hiện nay trên toàn tỉnh lên con số 83 điểm.

Từ nguồn kinh phí của huyện đã hỗ trợ cho 51 điểm thông tin đi vào hoạt động đều đặn, hiệu quả cao. Các điểm thông tin này đã cung cấp cho bà con nông dân những tài liệu về KHCN, quy trình trồng trọt, chăn nuôi một cách cụ thể, đặc biệt có tác dụng đối với vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Nhiều hộ gia đình ở huyện Lạc Dương, Bảo Lâm triển khai nuôi nhím bươm, kỳ đà vân, trồng chanh dây,... đã thoát nghèo qua việc áp dụng tiến bộ KHCN vào sản xuất và đời sống, là điển hình để bà con trong tỉnh học tập và nhân ra diện rộng.

*Hoạt động phối hợp quản lý tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và an toàn bức xạ*

Phòng công thương/kinh tế của các huyện/thành phố cũng đã duy trì được hoạt động của 3 trạm cân đối chứng tại các chợ Đà Lạt, Bảo Lộc, Đức Trọng. Đây là các chợ lớn trong tỉnh, hàng ngày cung cấp một khối lượng rất lớn hàng hóa, nông sản thực phẩm cho người dân. Hoạt động này đã góp phần vào việc tạo nếp kinh doanh lành mạnh trong xã hội.

**Định hướng nhiệm vụ KHCN cấp huyện năm 2011**

Năm 2011, ngoài việc tiếp tục bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý tại cơ sở thì các hoạt động quản lý KHCN cấp huyện sẽ tập trung

vào một số nhiệm vụ chính như sau:

Triển khai thực hiện việc quản lý 21 đề tài/dự án đã được hội đồng KHCN Sở KHCN thông qua; đồng thời tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của hội đồng KHCN cấp huyện trong việc xác định các nhiệm vụ KHCN tại cơ sở theo phương châm tích cực đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật, các ứng dụng KHCN vào sản xuất và đời sống, thiết thực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương, góp phần xóa đói giảm nghèo, từng bước nâng cao đời sống của người dân, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tăng cường phối hợp với các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc của Sở KHCN triển khai các hoạt động quản lý về tiêu chuẩn đo lường chất lượng trên địa bàn. Chú trọng việc quản lý chất lượng hàng hóa, nhất là hàng hóa đóng gói sẵn, không để xảy ra tình trạng hàng kém chất lượng lưu thông trên địa bàn. Duy trì hiệu quả trạm cân đối chứng tại các chợ lớn trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức kiểm tra, giám sát các nhiệm vụ KHCN đã và đang triển khai trên địa bàn.

Phối hợp với các phòng chuyên môn/đơn vị trực thuộc Sở KHCN xây dựng mới 17 điểm thông tin KHCN cấp xã, hỗ trợ cho các điểm khác hoạt động hiệu quả; hỗ trợ các hoạt động xây dựng thương hiệu, quảng bá cho các mặt hàng đặc sản của địa phương; nắm bắt đầy đủ các hoạt động về an toàn bức xạ trong y tế tại các trung tâm y tế huyện và các phòng chụp X-quang của tư nhân để có những đề xuất kịp thời với đơn vị quản lý khi sự cố xảy ra. ■



## **ĐÀO TẠO NGHỀ CHO NÔNG DÂN GÓP PHẦN THỰC HIỆN CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TỈNH LÂM ĐỒNG**

**TRƯƠNG NGỌC LÝ**

*Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội*

Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn để nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp, tạo việc làm mới gắn với phát triển ngành nghề nông thôn hiện nay là một nhiệm vụ vừa quan trọng vừa cấp bách của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và chương trình giảm nghèo của tỉnh trong những năm sắp tới.

### **Thực trạng công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn**

Hiện nay, Lâm Đồng có 430 ngàn lao động nông thôn, chiếm trên 64% lao động của tỉnh; lĩnh vực sản xuất nông nghiệp thu hút hơn 83% lực lượng lao động ở khu vực nông thôn. Nguồn việc làm chính ở nông thôn là từ cây cà phê (trên 100 ngàn lao động), rau hoa (90 ngàn lao động), lúa ngô, chè,... Cà phê, chè, rau hoa không chỉ là những cây trồng tạo việc làm ổn định cho nhân dân trong nhiều năm qua mà còn chiếm tỉ trọng lớn trong tổng sản phẩm xã hội và góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh.

Trình độ chuyên môn - kỹ thuật của lực lượng lao động Lâm Đồng những năm gần đây được nâng lên. Năm 2003, có 18,1% lao động của tỉnh được qua đào tạo, trong đó 9,3% qua đào tạo nghề; đến năm 2009 tỉ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh xấp xỉ 30%, qua đào tạo nghề là 19,6%. Tỉ lệ lao động qua đào tạo của Lâm Đồng cao hơn các tỉnh Tây Nguyên nhưng còn thấp hơn mức bình quân của cả nước<sup>(1)</sup> và còn chênh lệch lớn giữa khu vực thành thị và nông thôn. Năm 2009, trong 100 lao động làm việc thì ở thành thị có 42 người đã qua đào tạo, còn ở nông thôn chỉ có 19 người; nhiều xã vùng dân tộc thiểu số

chỉ có 2-3% lao động ngành nghề, nhiều thôn trắng về ngành nghề.

Để mở rộng cơ hội học nghề cho thanh niên, đặc biệt là thanh niên nông thôn, thanh niên nghèo, thanh niên dân tộc và các đối tượng chính sách - xã hội khác, từ năm 2000, tỉnh đã có chính sách hỗ trợ một phần chi phí cho người tự đi học nghề ở các cơ sở dạy nghề trong tỉnh hoặc trong nước<sup>(2)</sup>. Tỉnh cũng đã có chính sách dạy nghề 01 tuần trở lên<sup>(3)</sup> tại các xã nghèo theo Nghị quyết 30a (lúc đó TW chưa hỗ trợ hình thức học nghề này) để hướng dẫn nông dân kỹ thuật chăm sóc cây trồng, vật nuôi, trồng rừng,... gắn với hỗ trợ chuyên đổi, thâm canh cây trồng, vật nuôi,... với yêu cầu phải dành ít nhất 70% thời gian đào tạo thực hành ngay trên đồng ruộng hoặc tại chuồng trại chăn nuôi. Đối với các doanh nghiệp và hợp tác xã, từ năm 2004, tỉnh có chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho công nhân<sup>(4)</sup>, mức hỗ trợ hiện nay là 200 hoặc 300 ngàn đồng/công nhân/tháng tùy theo hình thức đào tạo.

Hiện nay, Lâm Đồng có 43 đơn vị đào tạo nghề, trong đó có 24 đơn vị ngoài công lập, phân bố trên địa bàn 10/12 huyện, thành phố của tỉnh. Các đơn vị này có năng lực đào tạo 50 nghề ở trình độ cao đẳng, trung cấp

<sup>(1)</sup> Tỉ lệ lao động qua đào tạo nghề năm 2009 của cả nước là 26,5%

<sup>(2)</sup> Quyết định 90/QĐ-UB năm 1990

<sup>(3)</sup> Quy định 4873/UBND

<sup>(4)</sup> Quyết định 87/2004/QĐ-UB

và sơ cấp (thời gian đào tạo từ 3 tháng trở lên) và dạy nghề thường xuyên (đào tạo dưới 3 tháng). Năm 2009, các đơn vị trên đã đào tạo nghề cho 10 ngàn người, đáp ứng gần một nửa nhu cầu lao động qua đào tạo nghề của tỉnh. Phần còn lại, chủ yếu do các doanh nghiệp, hộ ngành nghề tự đào tạo.

Các ngành nghề đào tạo thu hút nhiều người học là chăm sóc cây trồng, vật nuôi, tiêu thụ công nghiệp và các nghề phục vụ sản xuất, đời sống tại chỗ; tỉ lệ học viên có việc làm đúng nghề luôn đạt trên 80%. Năm 2009, có trên 7.200 lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề, gồm 200 thanh niên dân tộc được tuyên học nghề trình độ cao đẳng và trung cấp; 1.700 người học nghề theo dự án dạy nghề lao động nông thôn; 800 người được hỗ trợ kinh phí khi tự đi học ở các trường, trung tâm dạy nghề trong và ngoài tỉnh; 500 người học nghề để làm việc cho tổ hợp Bauxit – nhôm Bảo Lâm, 2.700 người tại các xã nghèo được dạy nghề ngắn hạn theo chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững, 500 người được doanh nghiệp tuyển dụng và đào tạo, 800 người khác được các đoàn thể, dự án nhân đạo hỗ trợ học nghề,...

Hiện cả tỉnh còn 4 huyện chưa có trung tâm dạy nghề là Cát Tiên, Đạ Tẻh, Lạc Dương và Đức Trọng; tại các địa phương này cơ hội học nghề của thanh niên nông thôn, thanh niên dân tộc, lao động chưa tốt nghiệp phổ thông cơ sở rất hạn chế.

Hướng đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong giai đoạn tới

Ngày 25/8/2010 vừa qua, UBND tỉnh Lâm Đồng đã có Quyết định số 1946/QĐ-UBND ban hành Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2009–2020”. Đây là cơ hội lớn để tăng quy mô, chất lượng dạy nghề cho lao động nông thôn với mục tiêu từ nay đến năm 2020 đào tạo nghề cho trên 300 ngàn nông dân, lao động nông thôn của tỉnh; mỗi năm cần dạy nghề cho 26-27 ngàn người, tăng 3-4 lần so với quy mô của năm 2009. Phần đầu đến năm 2015, cả tỉnh có 40% lao động qua đào tạo nghề và

năm 2020 là 50%; đây cũng là giải pháp thiết thực nhằm tạo việc làm bền vững, tăng thu nhập cho lao động nông thôn nâng khả năng cạnh tranh của nền nông nghiệp.

Đối tượng của đề án là lao động ở khu vực nông thôn và lao động làm nông nghiệp ở các phường, thị trấn trong độ tuổi lao động, có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học. Trong đó, ưu tiên dạy nghề cho các đối tượng là người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, hộ nghèo, hộ có thu nhập thấp, người dân tộc thiểu số, người tàn tật, người bị thu hồi đất canh tác. Sau khi kết thúc khóa học, học viên sẽ được cấp giấy chứng nhận, chứng chỉ hoặc là bằng nghề.

Đề án tập trung vào những giải pháp chủ yếu sau:

1. Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và lao động nông thôn về vai trò của đào tạo nghề đối với tạo việc làm, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn;
2. Phát triển mạng lưới cơ sở đào tạo nghề;
3. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý;
4. Phát triển, phổ biến các chương trình, giáo trình, học liệu;
5. Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các hoạt động của đề án từ tỉnh đến, huyện, xã.

Triển khai hiệu quả Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn” sẽ góp phần thực hiện tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX của tỉnh. Trước hết Đề án sẽ phục vụ chương trình trọng tâm về phát triển nguồn nhân lực, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo nhanh và bền vững, nông nghiệp công nghệ cao, phát triển du lịch,... Ngoài ra, Đề án cũng trực tiếp tạo việc làm, qua đó nâng cao hiệu quả các chương trình, dự án khác đang đầu tư cho

*(Xem tiếp trang 18)*



## PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA Ở LÂM ĐỒNG THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

DƯƠNG HUỲNH

Lâm Đồng là tỉnh Nam Tây Nguyên được thiên nhiên ưu đãi, có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế du lịch: rừng, thác nước, hồ và đặc biệt là khí hậu quanh năm trong lành, mát mẻ. Chính những đặc điểm đó đã tạo cho Lâm Đồng có sức hấp dẫn du khách thập phương.

### *Danh lam thắng cảnh*

Là một tỉnh miền núi, độ che phủ rừng lớn (trên 60%), có nhiều rừng nguyên sinh (Vườn Quốc gia Cát Tiên, Vườn Quốc gia Bidoup - Núi Bà) với hệ sinh thái động, thực vật phong phú. Rừng Lâm Đồng đóng vai trò cực kỳ quan trọng, tạo nên một bầu không khí trong lành, mát mẻ quanh năm, là một trong những điều kiện quyết định đến sự phát triển của du lịch nơi đây.

Nhiều thác nước hùng vĩ đã được công nhận di sản văn hóa quốc gia, thu hút du khách đến tham quan như thác Prenn, Đambri, Pongour,... Mỗi ngọn thác đều gắn với một huyền thoại và mang trong lòng những ý nghĩa về đời sống tâm linh.

Cùng với thác nước, các hồ ở Lâm Đồng cũng là những thắng cảnh đẹp và hữu ích. Có thể kể ra những hồ nổi tiếng của Lâm Đồng như hồ Xuân Hương, Tuyền Lâm, Đăng Kia - Suối Vàng (thành phố Đà Lạt), Đa Nhim (huyện Đơn Dương), Đa Têh (huyện Đa Têh),... Những hồ này vừa phục vụ nhu cầu sinh hoạt - cung cấp điện, nước, vừa là những thắng cảnh nổi tiếng của Lâm Đồng, hàng năm thu hút một số lượng du khách không nhỏ đến tham quan.

### *Kiến trúc*

Bên cạnh danh thắng tự nhiên, Lâm Đồng,

mà tiêu biểu là Đà Lạt còn nổi tiếng là thành phố trong rừng, với những kiến trúc tiêu biểu, độc đáo mà phong phú, đa dạng. Với nhiều phong cách kiến trúc của Pháp kết hợp với những nét Á Đông đã mang lại cho Đà Lạt một không gian đô thị độc đáo. Đó là những công trình kiến trúc được công nhận di sản quốc gia như Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt, nhà Ga Đà Lạt hay những công trình kiến trúc khác như các Dinh, biệt thự,... đã và đang là những điểm tham quan hấp dẫn du khách đến với Lâm Đồng - Đà Lạt.

### *Di tích lịch sử - khảo cổ*

Lâm Đồng còn được biết đến với nhiều di tích lịch sử và khảo cổ học như Đại Làng, Próh, Cát Tiên. Đây là những di tích có giá trị quốc gia, đặc biệt là khu di tích Cát Tiên, vừa phục vụ cho việc nghiên cứu lịch sử, văn hóa, vừa phục vụ phát triển du lịch.

Một trong những di sản văn hóa nổi tiếng nữa cũng được Lâm Đồng khai thác, phục vụ sự phát triển du lịch là di sản văn hóa phi vật thể của đồng bào dân tộc thiểu số. Đó là những lễ hội dân gian chứa đựng nhiều hình thức văn hóa nghệ thuật truyền thống như âm nhạc, múa, hát,... góp phần không nhỏ vào việc phát triển du lịch của địa phương trong những năm qua.

### *Những kết quả đạt được trong quản lý bảo vệ di sản*

Trong những năm qua, Đảng bộ và chính quyền tỉnh Lâm Đồng đã có nhiều nghị quyết, kế hoạch và quy định vận dụng phù hợp với điều kiện của địa phương, thực hiện tốt các chủ trương, đường lối, chính sách về văn hóa văn nghệ của Đảng. Cùng với việc nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất phục vụ du lịch,

việc khai thác các di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh cũng đã góp phần nâng cao số lượng du khách đến với Lâm Đồng. Trên cơ sở đó đã phát huy được các thế mạnh về di sản văn hóa hiện có phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Công tác quản lý nhà nước trong giữ gìn và bảo vệ di sản của địa phương được tăng cường. Hoạt động sưu tầm, bảo tồn vốn văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc bản địa cũng được quan tâm nhiều hơn. Nhiều công trình nghiên cứu vốn văn hóa dân gian đã và đang được khai thác làm phong phú thêm đời sống tinh thần cho đồng bào các dân tộc và góp phần phục vụ du lịch, ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

Công tác đào tạo, đặc biệt là đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ bảo tàng, cán bộ hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật là người dân tộc thiểu số được quan tâm. Hiện nay, đội ngũ này đã được phát triển và đáp ứng được những yêu cầu trong việc giữ gìn, phát huy văn hóa dân tộc tại địa phương.

#### **Một số hạn chế**

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được trong nhiều năm qua, việc giữ gìn, kế thừa và phát huy các di sản văn hóa tại Lâm Đồng còn bộc lộ nhiều hạn chế, đó là:

- Hoạt động khai thác quá mức đã làm thay đổi diện mạo và cấu trúc của nhiều danh lam, thắng cảnh. Chất thải sinh hoạt và một số hoạt động khác thiếu sự kiểm soát đã gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường và làm nhiễm bẩn nguồn nước tại các danh lam thắng cảnh, đặc biệt đối với các thác nước.

- Việc đầu tư, tôn tạo danh lam thắng cảnh không có quy mô, mang tính tạm bợ, không tuân thủ các quy định về bảo vệ, tôn tạo đã gây ra những lộn xộn trong xây dựng đồng thời làm ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường xung quanh.

- Một số di tích có nguy cơ mất hẳn do tình trạng bồi lắng, ô nhiễm, bị ngập hoặc không có nước.

- Một số loại hình di sản phi vật thể tuy đã được đưa vào khai thác nhưng chưa được nghiên cứu, bảo tồn và phát huy một cách bài bản, liên tục, nên đã có hiện tượng pha tạp, không còn nguyên gốc, đặc biệt là vốn văn hóa nghệ thuật dân gian như các bản công chiêng, các làn điệu dân ca,...

#### **Một số định hướng và giải pháp bảo tồn, phát huy di sản văn hoá địa phương**

Để phát huy tốt nhất tiềm năng của những di sản văn hóa tại địa phương, tôi xin nêu một số định hướng cần quan tâm như sau:

Thứ nhất, cần phải nhất quán về mặt nhận thức tầm quan trọng của các di sản đối với đời sống xã hội; xác định phát triển kinh tế phải gắn liền với phát triển văn hóa để thực sự trở thành mục tiêu, thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, đặc biệt là trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

Thứ hai, cần có cơ chế, chính sách thỏa đáng để đầu tư cho việc tôn tạo, bảo tồn và phát huy giá trị của các di sản văn hóa. Thực tiễn cho thấy một số quốc gia quan tâm đến việc bảo tồn, tôn tạo các di tích, danh lam thắng cảnh đã góp phần lớn trong phát triển kinh tế, đặc biệt là lĩnh vực du lịch.

Nhằm gìn giữ tài nguyên tinh thần quý giá, phục vụ cho việc giáo dục, nâng cao dân trí và nhu cầu hưởng thụ giá trị văn hóa của nhân dân gắn với việc phát triển du lịch, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, trong thời gian tới, ngành chức năng cần quan tâm tới một số giải pháp như sau:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để toàn dân hiểu được vai trò và tầm quan trọng của các di sản văn hóa đối với đời sống xã hội và phát triển kinh tế tại địa phương, từ đó có nhận thức đầy đủ và trân trọng đối với giá trị của di sản văn hóa. Việc tuyên truyền phải thường xuyên, liên tục bằng nhiều hình thức tổ chức như các cuộc thi tìm hiểu về luật di sản, nói chuyện chuyên đề, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương,...

*(Xem tiếp trang 14)*

## CHUYỂN GIAO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CHO NÔNG THÔN, VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

**Ths. VÕ KHIẾM**

*Giám đốc Trung tâm Ứng dụng KHCN tỉnh Lâm Đồng*

**T**ỉnh Lâm Đồng nằm ở Nam Tây Nguyên, diện tích tự nhiên 976.478 ha, trong đó có trên 212.000 ha đất đỏ bazan, nhiệt độ từ 18-22°C, lượng mưa trung bình hàng năm từ 1.800-2.600 mm; thích hợp để phát triển các loại rau, hoa, cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày như chè, cà phê, dâu tằm,...

Nhìn chung sản xuất nông nghiệp của tỉnh hiện nay đang phát triển với nhiều mô hình trồng và chế biến rau, hoa, chè, cà phê theo hướng nông nghiệp công nghệ cao mang lại hiệu quả kinh tế rất cao. Tuy nhiên, là tỉnh miền núi, cơ sở hạ tầng thấp kém, giao thông cách trở, trình độ dân trí còn thấp, phong tục tập quán lạc hậu, nền sản xuất chủ yếu quảng canh, tự cung tự cấp,... nên hiệu quả kinh tế của vùng đồng bào dân tộc thiểu số rất thấp, đời sống còn nhiều khó khăn.

Những năm qua, thực hiện chủ trương

đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ (KHCN) tỉnh Lâm Đồng đã phối hợp với một số đơn vị trong tỉnh triển khai nhân rộng những kết quả nghiên cứu phục vụ phát triển sản xuất và đời sống đến những vùng này. Đến nay đã ghi nhận một số kết quả như sau:

### Một số kết quả ứng dụng và chuyển giao KHCN

#### 1. Ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sản xuất

Tổ chức nhân ươm cây giống các loại hoa lan, cúc, giống rau, chuối, dâu tây, dâu rừng, cây dược liệu, cây lâm nghiệp,... đạt tiêu chuẩn, sạch bệnh phục vụ nhu cầu sản xuất nông nghiệp của tỉnh Lâm Đồng và các địa phương khác với số lượng hàng trăm ngàn cây giống.



**Nuôi cấy mô tế bào, nhân ươm cây giống sạch bệnh**

Phân lập, sản xuất các giống nấm dược liệu, nấm ăn, men vi sinh, chế phẩm sinh học. Chuyển giao kỹ thuật sản xuất giống, kỹ thuật

trồng nấm, xử lý phế phẩm nông nghiệp làm phân bón, xử lý chất thải cho các trang trại, cơ sở sản xuất và nhân dân trong tỉnh.



**Nấm Bào ngư Kim đình**



**Nấm Linh chi đỏ Đà Lạt**

2. Triển khai dự án “Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất hoa theo hướng công nghiệp tại Đà Lạt” với quy trình kỹ thuật tiên tiến. Qua 2 năm triển khai mô hình, lợi nhuận của người nông dân đã tăng đáng kể, sản lượng hoa tăng với chất lượng ổn định hơn mà vẫn tiết kiệm được chi phí sản xuất. Nhận thấy lợi ích từ dự án mang lại, nhiều nông dân tham gia mô hình đã mở rộng diện tích sản xuất theo quy trình kỹ thuật này và mang lại hiệu quả kinh tế ngày một cao hơn.

Thông qua dự án, một số quy trình kỹ thuật sản xuất hoa thương phẩm đã được xây dựng và chuyển giao nhân rộng đến các vùng sản xuất hoa của tỉnh như Đà Lạt, Đức Trọng, Lạc Dương, Đơn Dương và một số tỉnh, thành khác.



**Mô hình sản xuất hoa địa lan – hoa hồng thương phẩm**

3. Việc đưa những ứng dụng tiên bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp đến các vùng đồng bào dân tộc thiểu số được Trung tâm Ứng dụng KH-CN chú trọng. Nhiều mô hình sản xuất rau an toàn đã được xây dựng như: Mô hình trồng su hào, cải dưa, đậu cô ve tại xã Bảo Thuận (Di Linh); Mô hình trồng cải thìa, cải ngọt tại xã Phú Hội (Đức Trọng); Mô hình trồng bắp cải, cà chua, ớt sừng, đậu cô ve tại xã Prós (Đơn Dương),...

Thông qua hoạt động chuyển giao kỹ thuật đã giúp nông dân tiếp cận các quy trình sản xuất tiên tiến, chuyển những diện tích trồng lúa, hoa màu có năng suất thấp sang trồng các loại rau thương phẩm, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

4. Ngoài ra Trung tâm Ứng dụng KH-CN cũng đã xây dựng những mô hình ứng dụng kỹ thuật thâm canh chè cảnh, cà phê, trồng mây dưới tán rừng tại xã Lộc Lâm, huyện Bảo Lâm; thâm canh tăng năng suất cây cà phê tại xã N’Thôn hạ (Đức Trọng) và xã Phi Tô (Lâm Hà). Các mô hình này phát triển tốt, năng suất chè trên 25 tấn/ha, cà phê nhân khoảng 2,5 tấn/ha, đạt khá cao so với diện tích đại trà trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Trung tâm còn tích cực nhân rộng kết quả nghiên cứu đề tài, dự án khoa học công nghệ: Ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý đất đai tại huyện Đức Trọng, Lạc Dương;



**Mô hình thâm canh cây chè và cà phê  
tại xã Lộc Lâm**

Ứng dụng năng lượng mặt trời để đun nước nóng cho các nhà trẻ, trạm y tế vùng đồng bào dân tộc; Ứng dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng trong sản xuất hoa cúc tại Đà Lạt; Ứng dụng các quy trình kỹ thuật nuôi cấy, nhân uơm cây giống, trồng và chăm sóc cây chuối La Ba cho nông dân các địa phương trong tỉnh.

**Đánh giá những kết quả đạt được**

Từ các mô hình ứng dụng, chuyên giao kỹ thuật trên đã góp phần nâng cao nhận thức cho bà con nông dân, đặc biệt đồng bào dân tộc thiểu số về ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật, sử dụng giống mới, sạch bệnh, tạo ra những sản phẩm có năng suất, chất lượng, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội. Thông qua đó đã hình thành các mô hình sản xuất tiên tiến, tạo lập mối liên kết trong sản xuất giữa các nhóm hộ, doanh nghiệp với đơn vị chuyên giao KHCN; gắn sản xuất với thị trường, góp phần phát triển kinh tế - xã hội cho nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong tỉnh.

Qua hoạt động chuyên giao tiến bộ kỹ thuật, Trung tâm Ứng dụng KHCN đã đào tạo được những cán bộ kỹ thuật viên cơ sở hiểu rõ quy trình, nhiệt tình và có kinh nghiệm tổ chức thực hiện các mô hình sản xuất tiên tiến. Đây là lực lượng kỹ thuật nòng cốt giúp địa phương nhân rộng những kết quả nghiên cứu, các tiến bộ khoa học công nghệ và tham gia các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội trong vùng.

Đồng thời, Trung tâm Ứng dụng KHCN Lâm Đồng cũng đã tập hợp và đào tạo được đội ngũ cán bộ kỹ thuật có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn; xây dựng được các tài liệu, quy trình kỹ thuật, sản xuất cây giống,... Đây là điều kiện thuận lợi để Trung tâm thực hiện có hiệu quả các đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tại địa phương trong giai đoạn tới.

**Một số kiến nghị**

Để nhân rộng, chuyên giao những kết quả đề tài, dự án KHCN vào sản xuất, đời sống, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, trước hết nhà nước và tỉnh cần quan tâm ban hành các cơ chế, chính sách thích hợp để thực hiện các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học một cách xuyên suốt, có hiệu quả từ khi nghiên cứu đến áp dụng, nhân rộng kết quả vào sản xuất, đời sống.

Sở Khoa học và Công nghệ của tỉnh nên chọn những kết quả nghiên cứu có tính khả thi để đưa vào kế hoạch hằng năm trình ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; giao nhiệm vụ thường xuyên cho các trung tâm, đơn vị sự nghiệp KHCN tiếp tục nhân rộng, chuyên giao các kết quả nghiên cứu ra diện rộng.

Để chuyên giao, nhân rộng kết quả nghiên cứu, tiến bộ kỹ thuật tại các vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt kết quả như mong muốn, cần có sự phối hợp với chính quyền địa phương để lồng ghép các dự án đang triển khai trên cùng địa bàn, qua đó huy động thêm các nguồn lực để triển khai có hiệu quả các mô hình sản xuất.

Cơ quan chuyên giao kỹ thuật nên điều tra, khảo sát thực trạng sản xuất của vùng để chọn lọc, hoàn thiện quy trình kỹ thuật phù hợp với trình độ, điều kiện canh tác của nông dân. Cần xây dựng đội ngũ kỹ thuật viên đủ kiến thức chuyên môn, có kinh nghiệm thực tiễn, hướng dẫn kỹ thuật cho nhân dân theo từng công đoạn sản xuất, trên từng đối tượng cây trồng, vật nuôi,... để nông dân dễ tiếp thu và áp dụng tốt những kết quả nghiên cứu, quy trình kỹ thuật trong sản xuất. ■

## HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2010 VÀ NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

(Tiếp theo trang 2)

biến đổi khí hậu: phân tích các tiến trình địa hóa – địa chất, thủy văn, nguy cơ suy thoái môi trường; nghiên cứu cảnh quan và tác động biến đổi khí hậu vùng cao.

2. Xây dựng *Chương trình nghiên cứu bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học quốc gia ở Lâm Đồng*, khai thác hiệu quả tài nguyên rừng, nghiên cứu lâm sản ngoài gỗ. Chú trọng nghiên cứu công nghệ khả thi để đẩy mạnh công nghiệp chế biến gỗ nhằm khai thác hiệu quả tài nguyên rừng trong những năm tới.

3. Tập trung nghiên cứu và có giải pháp quản lý môi trường, nghiên cứu môi trường nông nghiệp để đáp ứng các yêu cầu của sản xuất nông nghiệp có chứng nhận. Chú trọng các đề tài tìm giải pháp bảo vệ môi trường sinh thái của các khu/cụm công nghiệp, công nghiệp khai khoáng, đặc biệt nghiên cứu việc tái sử dụng hoàn toàn tại khu liên hợp bauxite Bảo Lâm trong tương lai.

4. Tập trung nghiên cứu các đề tài về lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, trong đó chú trọng vấn đề cải cách hành chính, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh để có cơ sở khoa học thu hút đầu tư vào Lâm Đồng trong những năm tới.

5. Nghiên cứu phát triển các công nghệ có tính đặc thù, đặc biệt là công nghệ cao nhằm góp phần đẩy mạnh ngành công nghiệp phát triển.

6. Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ tiên tiến để khai thác ngưỡng đội trần tiềm năng năng suất và chất lượng cây trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh (chè, cà phê, rau, hoa, lúa chất lượng cao, cây dược liệu, bò sữa, cá nước lạnh,...). Đồng thời tìm giải pháp đưa công nghệ giống cây trồng, vật nuôi mới để đạt giá trị bình quân một hecta đất nông nghiệp đạt 100 triệu/năm vào năm 2015.

7. Nghiên cứu xây dựng và nhân rộng các mô hình nông thôn miền núi cấp quốc gia và cấp tỉnh, góp phần xóa đói giảm nghèo và

chính sách an sinh cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nghiên cứu tổng hợp các giải pháp mang tính đột phá nhằm từng bước rút ngắn chênh lệch khoảng cách giàu nghèo giữa các dân tộc và các địa phương trong tỉnh.

8. Hợp tác chặt chẽ với các tổ chức trong và ngoài nước nghiên cứu đồng bộ các giải pháp kỹ thuật nuôi, trồng cây và vật nuôi có lợi thế, cây thuốc quý; nghiên cứu khảo nghiệm một cây trồng gây đột biến, cây trồng GMO, đặc biệt chuẩn bị tiếp nhận có chọn lọc các công nghệ di truyền – công nghệ gene hiện đại: sinh vật chuyển gene, vacxin tái tổ hợp dựa trên kỹ thuật gene để phát triển nông nghiệp CNC.

9. Đầu tư trang thiết bị hiện đại cho Trung tâm phân tích và chứng nhận chất lượng tại thành phố Bảo Lộc để thực hiện phân tích kịp thời sản phẩm nông sản của các khu/cụm công nghiệp nhằm đảm bảo VSATTP và VSMT phục vụ cho sản phẩm nông sản của địa phương có đủ điều kiện đáp ứng các hiệp định trong thương mại TBT, SPS. Nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp chế biến nông sản trong quá trình hội nhập WTO, tăng cường hoạt động dịch vụ chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy và chứng nhận nông sản theo tiêu chuẩn VietGAP.

10. Tiếp tục tuyên truyền cho tổ chức và cá nhân hình thành các doanh nghiệp khoa học trên địa bàn tỉnh, khuyến khích việc hình thành và phát triển thị trường khoa học công nghệ trong những năm tới. ■



## ÁP DỤNG GLOBALGAP TRONG SẢN XUẤT NÔNG SẢN TẠI LÂM ĐỒNG

**NGUYỄN TÚ UYÊN**

*Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng*

### Tiêu chuẩn GlobalGAP là gì?

GlobalGAP là tiêu chuẩn về thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu do tổ chức phi lợi nhuận FoodPLUS là đại diện pháp nhân. Tháng 9/2007 GlobalGAP ra đời nhằm bổ sung và thay thế cho EurepGAP bởi phạm vi của EurepGAP chỉ trên sản phẩm trồng trọt còn GlobalGAP mở rộng ra cả sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản. Đến nay GlobalGAP đã xây dựng các tiêu chuẩn cho rau và quả, cây tổng hợp, hoa và cây cảnh, cà phê, chè, thịt lợn, gia cầm, gia súc và cừu, bơ sữa và cá hồi, tôm, các sản phẩm khác đang được nghiên cứu và xây dựng.

### Yêu cầu kỹ thuật của tiêu chuẩn GlobalGAP

Tiêu chuẩn GlobalGAP yêu cầu các nhà sản xuất phải thiết lập một hệ thống kiểm tra và giám sát an toàn thực phẩm xuyên suốt bắt đầu từ khâu sửa soạn nông trại canh tác đến khâu thu hoạch, chế biến và tồn trữ. Chẳng hạn như phải làm sạch nguồn đất, đảm bảo độ an toàn nguồn nước; giống cây trồng, vật nuôi được chọn cũng là giống sạch bệnh bởi nếu giống không an toàn sẽ ảnh hưởng nhiều tới năng suất, chất lượng; phân bón, thuốc

bảo vệ thực vật cũng phải đảm bảo là những thuốc trong danh mục, chủ yếu là thuốc có nguồn gốc hữu cơ an toàn cho người sử dụng.

Người sản xuất phải ghi chép lại toàn bộ quá trình sản xuất, bắt đầu từ khâu xuống giống đến khi thu hoạch và bảo quản để phòng ngừa khi xảy ra sự cố như ngộ độc thực phẩm hay dư lượng hóa chất vượt ngưỡng cho phép và có thể truy nguyên được nguồn gốc.

Trọng tâm của GlobalGAP là an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc, nhưng bên cạnh đó nó cũng đề cập đến các vấn đề khác như an toàn, sức khỏe và phúc lợi cho người lao động và bảo vệ môi trường.

### Tình hình triển khai áp dụng

Tại Việt Nam, nhiều đơn vị đã triển khai xây dựng và đạt được giấy chứng nhận phù hợp theo tiêu chuẩn GlobalGAP với thương hiệu nổi tiếng như Thanh long (Bình Thuận), Vú sữa Lò Rèn Vĩnh Kim (Tiền Giang), Gạo Mỹ Thành (Tiền Giang), Bưởi Năm Roi Mỹ Hòa (Vĩnh Long), Xoài cát Hòa Lộc (Cần Thơ),...

Tại Lâm Đồng đến nay đã có một số đơn vị áp dụng và được cấp chứng chỉ GlobalGAP như Công ty Nông sản thực phẩm, Công ty Nông sản Trình Nhi, HTX Tiến Đồng, Công ty Ánh Ban Mai, Công ty Organik, Trang trại Langbiang,...

### Thuận lợi khi áp dụng

Việc áp dụng tiêu chuẩn GlobalGAP vào sản xuất cho ra những sản phẩm sạch, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, tạo điều kiện thuận lợi trong mua bán nông sản hiện đại, gắn kết và ràng buộc trách nhiệm giữa người sản xuất với người tiêu dùng, làm tăng sự tin



tương của khách hàng đối với sản phẩm của doanh nghiệp.

Đây cũng là giấy thông hành để các sản phẩm sản xuất theo tiêu chuẩn GlobalGAP dễ dàng thâm nhập những thị trường khó tính như siêu thị, nhà hàng cao cấp hay xuất khẩu sang các nước EU, Nhật, Mỹ,... với giá cao hơn nhiều lần so với nông sản bán tự do trên thị trường và có thể vượt qua hàng rào kỹ thuật thương mại mà các nước đặt ra để bảo hộ nền sản xuất của nước mình.

**Những khó khăn trong quá trình triển khai áp dụng**

- Chi phí áp dụng và chứng nhận khá cao:

Chi phí đầu vào để xây nhà kho, nhà vệ sinh cùng nhiều hạng mục khác mà trước đó doanh nghiệp chưa xây dựng. (Những hạng mục này nhà sản xuất chỉ làm 1 lần nhưng dùng được cho nhiều năm sau đó).

Chi phí chứng nhận GlobalGAP lần đầu và phí duy trì chứng nhận hàng năm khá cao. Trước đây việc chứng nhận và cấp chứng chỉ GlobalGAP do các đơn vị nước ngoài thực hiện, hiện nay một số tổ chức chứng nhận của Việt Nam đã thực hiện được việc này như: SGS Vietnam, Công ty TNHH TUV SUD PSB Việt Nam, Quacert, CafeControl.

- Tuy nhiên khó khăn nhất là vấn đề đào

tạo con người. Người nông dân từ trước đến giờ quen làm việc theo kinh nghiệm. Hiện nay, khi sản xuất theo GlobalGAP, đòi hỏi họ phải có kiến thức, làm theo kỹ thuật mới, đặc biệt phải tuân thủ việc ghi nhật ký đồng ruộng mặc dù khá phức tạp. Công việc này phải được tập dần thành thói quen chứ không chỉ áp dụng trong thời gian thử thách để được cấp chứng chỉ.

**Hướng triển khai trong thời gian tới**

Để triển khai được GlobalGAP trong sản xuất nông sản tại tỉnh Lâm Đồng, việc quy hoạch các vùng trồng nông sản tránh những nơi có nguy cơ gây mất an toàn cao cũng như việc nâng cao nhận thức cho người sản xuất là rất cần thiết. Đồng thời cơ quan chuyên môn (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) cần tiếp tục hỗ trợ cho nhà sản xuất về kỹ thuật canh tác, giống cây trồng; tư vấn cho các nhà sản xuất về hệ thống này nhằm nâng cao sản lượng và chất lượng nông sản của tỉnh hướng ra thị trường xuất khẩu.

Đặc biệt, nhà sản xuất cần phải nhận thức rõ tầm quan trọng của việc xây dựng thương hiệu, liên kết sản xuất, áp dụng tiêu chuẩn quốc tế là những yếu tố hết sức cần thiết để nông sản Lâm Đồng tiếp tục khẳng định vị thế của mình trong thị trường tiêu thụ nội địa truyền thống và trên thị trường thế giới. ■

**PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA Ở LÂM ĐỒNG THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP**

*(Tiếp theo trang 8)*

Tăng cường công tác quản lý nhà nước nhằm định hướng về công tác bảo tồn, đa dạng và phát huy giá trị của di tích theo đúng luật và các quy định của địa phương.

Tỉnh Lâm Đồng nên xây dựng những cơ chế thỏa đáng đối với các di sản quốc gia nhằm kêu gọi đầu tư từ nhiều nguồn vốn trong xã hội. Mặt khác cần có chế độ đãi ngộ đối với các nghệ nhân, già làng, khuyến khích họ sưu tầm, lưu giữ và truyền lại vốn văn hóa nghệ thuật truyền thống của các dân tộc cho thế hệ mai sau.

Đẩy mạnh công tác sưu tầm, nghiên cứu vốn văn hóa phi vật thể của đồng bào tại địa phương, từ đó chắt lọc những tinh hoa, phục vụ đắc lực cho hoạt động du lịch.

Di sản văn hóa là cốt lõi, đặc thù làm nên tính riêng biệt độc đáo của mỗi dân tộc, địa phương, góp phần to lớn trong việc giáo dục truyền thống đồng thời góp phần không nhỏ phát triển kinh tế - xã hội. Chính vì những lẽ đó, việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị của di sản trong giai đoạn hiện nay là rất cần thiết, là chiếc “cầu nối” giữa quá khứ, hiện tại và tương lai của dân tộc. ■



## HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TBT

**HOÀNG THỊ CẨM TÚ**

*Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

Việt Nam gia nhập WTO đồng nghĩa với việc tuân thủ đầy đủ hiệp định của WTO, bao gồm cả Hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Hiệp định TBT). Để thực hiện hiệp định này, Việt Nam đã thành lập mạng lưới TBT ở 9 bộ và 63 điểm TBT của các tỉnh, thành trong cả nước. Cơ quan Thông báo và Điểm hỏi đáp về Hàng rào kỹ thuật trong thương mại của tỉnh Lâm Đồng (TBT-LĐ) được thành lập từ năm 2005 và đặt tại Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (thuộc Sở Khoa học và Công nghệ).

### **Kết quả hoạt động của TBT Lâm Đồng thời gian qua**

Ba năm sau khi gia nhập WTO, hoạt động của TBT-LĐ đã đạt được một số kết quả sau:

TBT-LĐ đã rà soát và cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL), quy chuẩn kỹ thuật (QCKT) làm cơ sở để quản lý và tham mưu cho hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng tại địa phương. TBT-LĐ cũng đã khảo sát các doanh nghiệp xuất khẩu để nắm tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Qua khảo sát cho thấy: 39 doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam, 30 doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, 18 doanh nghiệp áp

dụng tiêu chuẩn nước ngoài, 6 doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn ngành, số còn lại là áp dụng QCKT các nước nhập khẩu và theo yêu cầu của khách hàng.

TBT-LĐ cũng đã chú trọng việc xây dựng cơ sở dữ liệu thông qua cập nhật những tiêu chuẩn có liên quan đến sản phẩm, hàng hóa trọng điểm của tỉnh (1.654 tiêu chuẩn) như chè, cà phê, rau, hoa quả,...

Để tăng cường hiệu quả hoạt động, Ban liên ngành về TBT của tỉnh đã được thành lập. Ban này gồm các cơ quan chức năng như xây dựng, nông nghiệp và phát triển nông thôn, thông tin truyền thông, công thương, y tế, tài nguyên và môi trường, văn hóa thể thao du lịch, tư pháp, lao động thương binh và xã hội. Hoạt động TBT tại các đơn vị này theo quy định chung của tỉnh, cán bộ phụ trách được tập huấn nghiệp vụ, có thể tiếp nhận, xử lý thông tin cảnh báo do TBT-LĐ cung cấp.

Công tác tuyên truyền phổ biến về Hiệp định TBT cũng được tiến hành thường xuyên qua các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương và trang thông tin điện tử của TBT-LĐ. Ngoài ra, TBT-LĐ còn tổ chức hội thảo đối thoại giữa các sở, ngành có liên quan với doanh nghiệp để giải đáp những vấn đề vướng mắc doanh nghiệp gặp phải; tổ chức đào tạo, tập huấn về TBT cho lãnh đạo, cán bộ phụ trách TBT trong các sở, ngành và doanh nghiệp xuất khẩu của tỉnh.

### **Một số hạn chế trong hoạt động TBT ở Lâm Đồng**

Sự phối hợp của các sở, ngành có liên quan

*(Xem tiếp trang 30)*



## CÔNG NGHỆ CÀN BÁN

### CÔNG NGHỆ NUÔI TRỒNG NẤM LINH CHI TRÊN GỖ KHÚC

Mã số: VN011221

Mô tả quy trình CN/TB: Xử lý gỗ khúc và tạo môi trường nuôi cấy nấm linh chi

Lĩnh vực áp dụng: 68 - Nông nghiệp và lâm nghiệp

Ưu điểm của CN/TB: Tận dụng nguyên liệu, dễ làm, đạt hiệu quả kinh tế

Mức độ phát triển: Thương mại hoá

Phương thức chuyển giao: Đào tạo

Hình thức cung cấp: Bán trực tiếp theo hợp đồng

Địa chỉ liên hệ: Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng Khoa học và sản xuất lâm nghiệp Quảng Ninh

Km11, Minh Thành, Yên Hưng, Quảng Ninh

Điện thoại: 033.3873002 - Fax: 033.3873693

Thư điện tử: [liemquanqninh@yahoo](mailto:liemquanqninh@yahoo)

### QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT GIÁ THỂ PHONG LAN

Mã số dịch vụ: VN0141 / 728

Thành phần: vỏ sọ dừa đã qua xử lý, than củi và các phụ gia khác

Công dụng: sử dụng trực tiếp để trồng các loại hoa phong lan Hồ

Diệp, Dendrobium,... Sử dụng giá thể trong chậu sành có đục lỗ.

Cách dùng: túi giá thể PL 05, cho vào 1 hoặc 2 túi có đục lỗ, tùy

theo kích thước của chậu. Đặt nhẹ cây giống phong lan trong

giá thể, sau đó tưới phủ cho đủ ẩm giá thể và cây, treo cây ở nơi thoáng mát.

Đối tượng sử dụng dịch vụ: Các tổ chức doanh nghiệp, tư nhân trong nước cũng như ngoài nước.

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo yêu cầu của khách hàng /

Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Điện thoại liên lạc: 84-04-3-8249874/ 84-04-3-9342945; Fax: 84-04-3-8249874;

E-mail: [techmart@vista.gov.vn](mailto:techmart@vista.gov.vn)

### KỸ THUẬT HẠT NHÂN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

Mã số dịch vụ: VN7310 / 26

Mô tả dịch vụ: Tạo giống cây trồng, nguồn gen lúa đột biến quý; Chế tạo các chế phẩm phục vụ nông nghiệp; Công nghệ nuôi trồng nấm,...

Hình thức cung cấp: Cung cấp theo hợp đồng trọn gói

Địa chỉ liên hệ: Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam

59 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04-9423829 – 9421912

Fax: 04-9424133

Thư điện tử: [infor.vaec@hn.vnn.vn](mailto:infor.vaec@hn.vnn.vn)

(Nguồn: Techmart Vietnam)

## NHÌN LẠI 2 NĂM “NỐI MẠNG TRI THỨC” CHO THANH NIÊN LÂM ĐỒNG

**THANH DƯƠNG HỒNG**

*Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Lâm Đồng*

**T**hực hiện “Một triệu giờ đồng hành nối mạng tri thức” trong chương trình phối hợp giữa Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam và Trung ương Hội Liên hiệp thanh niên (LHTN) Việt Nam, từ tháng 10/2007 Hội LHTN và Bưu điện tỉnh Lâm Đồng đã ký kết chương trình phối hợp phổ cập *Tin học và nối mạng tri thức* cho thanh, thiếu niên và nhân dân toàn tỉnh, giai đoạn 2007-2010.

Là một tỉnh miền núi, thanh, thiếu niên (TTN) và đồng bào các dân tộc thiểu số sống ở các vùng nông thôn tỉnh Lâm Đồng chiếm tỷ lệ rất cao, điều kiện kinh tế, văn hóa xã hội còn nhiều khó khăn, vì vậy Chương trình phổ cập tin học và hỗ trợ truy cập Internet miễn phí đã và đang là hoạt động rất thiết thực, đáp ứng nhu cầu cần thiết hiện nay của TTN và nhân dân các địa phương.

### **Kết quả thực hiện**

Sau khi Bưu điện và Hội LHTN tỉnh Lâm Đồng thống nhất chương trình phối hợp, ngành Bưu chính và Viễn thông đã khảo sát thực trạng về cơ sở vật chất (địa điểm, số lượng và chất lượng máy vi tính,...) huy động đặt tại các Bưu điện văn hóa xã (BĐVHX); làm việc với Công ty Điện toán và Truyền số liệu (VDC) về ưu tiên miễn phí truy cập Internet cho TTN và nhân dân các vùng khó khăn; tập huấn về kiến thức và kỹ năng cơ bản cho đội ngũ nhân viên tại các BĐVHX. Tổ chức Đoàn - Hội cũng đã chỉ đạo triển khai chương trình đến cấp xã, phường, thị trấn. Đoàn thanh niên xã phối hợp với BĐVHX tập hợp, lập danh sách đối tượng có nhu cầu; tập huấn kiến thức cơ bản về sử dụng máy vi

tính, truy cập Internet,... cho đội ngũ cán bộ Đoàn - Hội cơ sở để trực tiếp hướng dẫn cho TTN và nhân dân trong xã.

Qua hơn 2 năm thực hiện, tại 105 xã của 12 huyện/thành phố đã có 136 máy vi tính phục vụ công tác phổ cập tin học. Ngành Bưu điện và Viễn thông Lâm Đồng đã đầu tư 84 điểm có đường truyền VNN 1260 và 21 điểm có đường truyền ADSL.

Xác định nội dung quan trọng là tập trung phổ cập, nâng cao “mặt bằng” trình độ về vi tính; làm quen, truy cập Internet, khai thác tiện ích của thành tựu CNTT áp dụng vào đời sống, sinh hoạt, học tập và lao động sản xuất của TTN và nhân dân, ngoài việc chú trọng mở các lớp phổ cập tin học, Ban chỉ đạo Chương trình đã thống nhất với các điểm BĐVHX quy định thời gian hỗ trợ truy cập Internet miễn phí cho các đối tượng, cụ thể: Mỗi tuần, vào sáng thứ ba (từ 8h-11h) và chiều thứ 5 (từ 13h30-16h30). Đến nay, đã có hàng chục ngàn người được phổ cập tin học và trên 10.000 lượt người truy cập Internet, tổng số thời gian truy cập miễn phí trên 500.000 phút.

### **Một số kinh nghiệm**

Xuất phát từ nhu cầu cần thiết của các đối tượng TTN và nhân dân các địa phương muốn được tiếp cận, từng bước làm chủ khoa học công nghệ hiện đại nên số lượng người tìm đến các điểm BĐVHX mỗi ngày một đông. Song, số máy tính ở các điểm ít (1- 2 máy), chưa đáp ứng kịp nhu cầu của nhiều người trong cùng một thời điểm. Để khắc phục thực tế khó khăn này và đáp ứng nhu

cầu của người dân, ở một số xã của huyện Lâm Hà (Phi Tô, Đa Đòn, thị trấn Đình Văn), cán bộ Đoàn nơi đây đã chủ động phối hợp với ngành liên quan, huy động từ 10-11 máy tính và tăng cường tình nguyện viên hướng dẫn. Chính vì vậy, chất lượng triển khai thực hiện ở những địa phương này đảm bảo và có hiệu quả cao hơn.

Ở một số địa phương còn có những cách làm sáng tạo, phù hợp với nhu cầu của đồng bào TTN và nhân dân. Tại xã Quảng Lập (Đơn Dương) đoàn viên thanh niên đã phối hợp với BĐVHX mở lớp dạy vi tính và hướng dẫn kỹ thuật truy cập Internet có hệ thống cho TTN và nhân dân. Tại xã Đa Sar (Lạc Dương), BĐVHX đã tích cực đầu tư thêm máy vi tính và nâng cấp đường truyền truy cập miễn phí.

Đặc biệt, tại Đa Têh, Lạc Dương, Đà Lạt đã xuất hiện những cách làm sáng tạo: nhiều đoàn viên thanh niên tự bỏ tiền cá nhân mua sắm máy vi tính, mở lớp dạy học miễn phí; thuê đường truyền mở điểm Internet; tập huấn, hướng dẫn cho thanh niên, học sinh, nhân dân kỹ thuật sử dụng Internet, ứng dụng công nghệ thông tin vào cuộc sống, lao động sản xuất và kinh doanh; giới thiệu một số trang Web có ứng dụng tốt, phù hợp với đời sống, học tập, lao động,... để đồng bào

các tầng lớp TTN và nhân dân tìm kiếm, khai thác thông tin tiện ích,...

Cũng từ Chương trình “*Một triệu giờ đồng hành - nối mạng tri thức*”, đã đẩy lên phong trào thành lập các đội tình nguyện phổ cập tin học. Thông qua chiến dịch hè tình nguyện và “kỳ nghỉ hồng” hàng năm, đoàn viên, thanh niên các đơn vị doanh nghiệp (Đoàn cơ sở Viễn thông, Bưu điện tỉnh,...) đã tổ chức hàng chục chuyến công tác về các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong tỉnh, mở các lớp phổ cập tin học, hướng dẫn sử dụng, khai thác Internet, hỗ trợ đường truyền,...

\*

Có thể nói rằng, dù còn gặp nhiều khó khăn trong triển khai thực hiện, nhưng hiệu quả, tác động tích cực của chương trình “*Một triệu giờ đồng hành - nối mạng tri thức*” là rất lớn, có ý nghĩa nhiều mặt. Phong trào phổ cập tin học và tìm hiểu, khai thác lợi ích từ Internet, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào cuộc sống, học tập, lao động sản xuất kinh doanh đã trở thành nhu cầu thiết thực của mọi đối tượng TTN và nhân dân hiện nay. Đây chính là động lực góp phần “thắp sáng nông thôn”, thúc đẩy sự phát triển của xã hội ngày càng nhanh và vững chắc. ■

## **ĐÀO TẠO NGHỀ CHO NÔNG DÂN GÓP PHẦN THỰC HIỆN CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TỈNH LÂM ĐỒNG**

vùng đồng bào dân tộc, người nghèo hay các đối tượng yếu thế khác.

Việc triển khai đề án từ tỉnh đến huyện, xã và đến tận người dân cần huy động sự đồng thuận của cả hệ thống chính trị; từ tuyên truyền, vận động đến tổ chức đào tạo gắn với các thế mạnh đất đai, văn hóa, ngành nghề của từng địa phương; sự vào cuộc của mặt trận, các đoàn thể, hội nghề nghiệp, các doanh nghiệp trên địa bàn và nhất thiết trên từng địa bàn phải có sự chỉ đạo, kiểm tra thường xuyên của các cấp ủy Đảng.

Phát triển nguồn nhân lực nói chung và dạy

(Tiếp theo trang 6)

nghề cho lao động nông thôn nói riêng liên quan đến các nguồn lực về tài chính, nhân lực trong triển khai thực hiện từ nhiều cấp. Ngoài sự quan tâm của lãnh đạo tỉnh, cần có sự phối hợp, tham mưu của các sở, ngành, đoàn thể, địa phương là nhân tố quyết định hiệu quả triển khai đề án. Với những giải pháp chủ yếu của đề án như đã nêu trên, vấn đề dạy nghề cho lao động nông thôn sẽ góp phần tích cực đưa khoa học và công nghệ về nông thôn, nhằm thực hiện công nghiệp hóa – hiện đại hóa nông thôn theo chủ trương của Chính phủ và của tỉnh. ■

## HOẠT ĐỘNG NUÔI CÂY MÔ PHỤC VỤ SẢN XUẤT CỦA TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**PHẠM NGỌC BẢO ĐÀ**

*Trung tâm Ứng dụng khoa học công nghệ*

Công nghệ nuôi cây mô tế bào thực vật trong sản xuất giống cây trồng có những ưu điểm: tạo giống và tạo dòng thuần nhanh; tạo cây sạch bệnh từ những vật liệu di truyền ưu việt và cây có chất lượng cao; nhân giống nhanh, đồng loạt với quy mô lớn. Với chủ trương hình thành một bộ phận làm nhiệm vụ lưu giữ, bảo tồn những nguồn gen quý hiếm của địa phương, đồng thời cung ứng nhanh giống cây trồng chất lượng cao, có giá trị kinh tế, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường sản xuất, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng đã thành lập phòng nuôi cây mô, trực thuộc Sở từ đầu những năm 2000. Tháng 4/2004, UBND tỉnh ra quyết định thành lập Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ và Tin học (nay là Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ), phòng nuôi cây mô đã được chuyển cho Trung tâm quản lý.

Phòng nuôi cây mô của Trung tâm Ứng dụng KHCN có chức năng (1) Nghiên cứu, khảo nghiệm, lai tạo các giống rau, hoa, cây ăn quả, cây lâm nghiệp,... (2) Thu thập, nuôi cấy và lưu giữ các giống cây trồng, nguồn gen quý hiếm của địa phương; (3) Nghiên cứu, hoàn thiện quy trình kỹ thuật và chuyên giao công nghệ các giống rau, hoa; (4) Sản



xuất giống cây trồng sạch bệnh phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

### **Những kết quả đạt được**

#### *Thực hiện nhiệm vụ lưu giữ nguồn gen*

Hoạt động lưu giữ, bảo tồn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của phòng nuôi cây mô, vì vậy hàng năm phòng đều dành một lượng kinh phí và nhân lực để thực hiện công tác này. Hiện nay, tại đây đang lưu giữ, bảo tồn các giống hoa Cúc, Phong lan, Địa lan, Dâu tây, Sa lem, Phúc bồn tử, Lily, Đồng tiền, Hồng môn,... với số lượng hơn 5.000 bình.

#### *Thực hiện nhiệm vụ cung cấp giống*

Với những trang thiết bị, máy móc đầu tư khá đồng bộ, hiện đại như tủ cấy an toàn sinh học, máy cất nước hai lần, máy lọc ion, nồi hấp tiệt trùng, tủ sấy khô,... cùng với đội ngũ cán bộ kỹ thuật trẻ luôn tìm tòi, học hỏi là điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu và ứng dụng các kỹ thuật công nghệ mới trong lĩnh vực sinh học tạo ra những sản phẩm đạt chất lượng cao, phục vụ sản xuất tại địa phương cũng như các nơi khác,...

Những năm gần đây, mô hình trồng hoa, cây cảnh ngày càng được phát triển trong toàn tỉnh cũng như các tỉnh lân cận. Phát huy hiệu quả của sản xuất cây giống bằng nuôi cấy *in vitro* nhằm đem lại giống cây sạch bệnh, sự đồng đều và năng suất chất lượng cao cho cây trồng, đặc biệt cho các giống khoai tây, các loài hoa cúc, hoa hồng, hoa lan,... việc đẩy mạnh hoạt động của cơ sở nuôi cấy mô này đã góp phần tích cực giúp người nông dân tiếp cận và ứng dụng các công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp. Từ bước đầu chỉ nuôi cấy các loại hoa như cúc, địa lan, đến nay, đội ngũ cán bộ kỹ thuật nơi đây đã có

thể nuôi cấy những loại cây giống theo yêu cầu của thị trường. Với khả năng của mình, thời gian qua, Phòng nuôi cấy mô đã nuôi cấy thành công và sản xuất được trên 30 giống cây hoa cúc (Thọ vàng, Pha lê, Đại đóa,...), Đồng tiền, Salem (các màu trắng, hồng, tím, đỏ, vàng), Arum, Hồng môn,... có chất lượng tốt, sạch bệnh, năng suất cao. Dưới đây là số lượng cây giống mà phòng đã sản xuất trong những năm vừa qua:

Năm	Loại giống chính	Số lượng cây
2005	Địa lan, Phong lan	11.500 cây
2006	Cây giống các loại	12.000 cây
2007	Cây giống các loại	> 60.000 cây
2008	Cây giống các loại	70.000 cây
2009	Địa lan, Cúc, Chuối, Salem	> 126.000 cây
2010	Cúc, Chuối	Ước tính > 100.000 cây

Ngoài việc nhân nhanh các giống hoa, phòng đã tập trung nghiên cứu quy trình nhân giống các giống cây ăn trái như chuối Già lùn, chuối Laba, Dâu tây, Dâu rừng,... là những giống cây ăn quả đang được thị trường ưa chuộng hiện nay. Những sản phẩm này đã được kiểm tra và công bố chất lượng cây giống tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng, được test virus để đảm bảo sạch bệnh trước khi cung cấp cho khách hàng.

#### ***Xây dựng tổ chức, năng lực nghiên cứu và phát triển***

Để phục vụ sản xuất ngày một tốt hơn, hoạt động tổ chức nghiên cứu và phát triển cũng đã được quan tâm. Trong vài năm gần đây, cán bộ kỹ thuật của phòng đã nghiên cứu và hoàn thiện quy trình kỹ thuật các giống rau, hoa và chuyển giao công nghệ cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu. Thông qua việc thực hiện đề tài, nhiều quy trình nuôi cấy mô đã được xây dựng. Có thể kể đến một số điển hình như Quy trình nuôi cấy mô các giống địa lan (Hồng hoàng, Sato, Xanh như ngọc); Quy trình nuôi cấy cây Phúc bồn tử; Quy trình nhân giống *in vitro* cây Salem. Hiện nay, phòng đang thực hiện đề tài *Ứng dụng*

*công nghệ sinh học trong nuôi cấy vô tính cây Thiên điều*, một loại hoa rất được ưa chuộng trên thị trường.

#### **Một số kiến nghị**

Trong những năm tới phòng sẽ tiếp tục nghiên cứu tìm ra giống mới phù hợp với địa phương để góp phần đa dạng nguồn giống cây trồng; Triển khai quy trình sản xuất các giống cây mới cho nông dân; Chọn lọc, kiểm tra nấm bệnh các giống rau, hoa,... trên địa bàn tỉnh đưa vào nuôi cấy tạo bình giống gốc để làm đầu mối cung cấp bình giống cây đầu dòng thuần chủng, chất lượng tốt, sạch bệnh cho các phòng mô trong tỉnh. Mặt khác, phòng cũng mở rộng sản xuất thử các giống cây mới, để chuyển giao quy trình sản xuất cho những đơn vị, tổ chức, cá nhân có nhu cầu; Sưu tập thêm các giống hoa, cây ăn quả, cây lâm nghiệp, cây dược liệu,... để nuôi cấy lưu giữ nguồn gen phục vụ sản xuất góp phần phát triển kinh tế địa phương.

Để phát huy những điều kiện thuận lợi sẵn có trong ứng dụng kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào thực vật, nghiên cứu chọn tạo và nhân nhanh giống mới có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu sản xuất và xuất khẩu cây giống của tỉnh, chúng tôi xin có một số đề xuất như sau:

- Cần có cơ chế để tăng cường đầu tư và hiện đại hoá trang thiết bị nghiên cứu, triển khai và đào tạo về công nghệ sinh học nông nghiệp theo hướng đầu tư nâng cấp đồng bộ cả trang thiết bị phòng thí nghiệm và trang thiết bị phục vụ sản xuất thử nghiệm cho một số cơ sở/phòng thí nghiệm trọng điểm của tỉnh đáp ứng yêu cầu quản lý và sản xuất của địa phương. Trong thời gian tới, cần tập trung nguồn lực để nghiên cứu, khảo nghiệm, lai tạo các giống rau hoa, cây ăn quả, cây lâm nghiệp,... phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Cần chú trọng đến việc đào tạo nguồn cán bộ có khả năng tổ chức, thực hiện những

*(Xem tiếp trang 23)*

## MÔ HÌNH NÔNG THÔN MỚI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Ths. CHÂU THỊ MINH LONG

Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên

Lộc Tân là một xã vùng sâu, vùng xa (cách huyện lỵ 20 km); cơ sở vật chất kỹ thuật và hạ tầng nông thôn nghèo nàn; hệ thống đường giao thông chủ yếu là đường đất, bị xuống cấp, gây trở ngại trong việc đi lại, giao lưu buôn bán đặc biệt vào mùa mưa. Tổng diện tích tự nhiên của xã là 13.703 ha, đất lâm nghiệp (62,14%), đất sản xuất nông nghiệp - cà phê, chè, dâu - (29,28%) và một lượng lớn đất chưa sử dụng (5,65%).

Dân số toàn xã (năm 2008) là 1.340 hộ gồm 8.187 khẩu, trong đó dân tộc Châu Mạ là 4.562 khẩu, chiếm 55,72%. Đa số người dân theo đạo Thiên Chúa (58,73%). Xã hiện có 212 hộ nghèo, chiếm 15,79% dân số, trong đó, số hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 19,2%.

Với chủ trương phát triển toàn diện kinh tế - xã hội và môi trường khu vực nông thôn; ổn định kinh tế, giảm dần khoảng cách chênh lệch về thu nhập, đời sống vật chất, văn hóa của đồng bào các dân tộc và các vùng khác nhau, đề tài: "*Nghiên cứu xây dựng mô hình mẫu về phát triển nông thôn mới dựa vào cộng đồng tại một xã vùng đồng bào dân tộc bản địa tỉnh Lâm Đồng*" đã được thực hiện tại xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng và mang lại một số kết quả ban đầu.

### Vài nét về thực trạng kinh tế - xã hội tại xã Lộc Tân

Đề tài đã tiến hành điều tra 120 hộ dân tộc bản địa Châu Mạ được chọn lựa ngẫu nhiên của xã Lộc Tân. Kết quả điều tra cho thấy tỷ lệ nghèo trong nhóm dân tộc bản địa cao (19,2%) so với mức trung bình của xã là 15,79%. Bình quân ở các hộ điều tra có 5 nhân khẩu và 3 lao động chính. Trên 90% hộ gia đình có từ 5 nhân khẩu trở lên và hơn nửa số hộ điều tra có trên 8 nhân khẩu. Hầu hết các chủ hộ điều tra có trình độ cấp tiểu học. Tỷ lệ mù chữ là 15,8%, chủ yếu tập trung ở các hộ nghèo. Việc nắm bắt thông tin của bà con trong xã chủ yếu qua hệ thống phát thanh của xã và đài truyền hình của tỉnh.

Hệ thống nhà vệ sinh của hầu hết các hộ gia đình nơi đây còn thô sơ. Một số hộ không có nhà vệ sinh mà đi tự do (5%) làm ảnh hưởng đến sức khỏe và môi trường xung quanh.

Diện tích, năng suất cây trồng và số lượng gia súc, gia cầm khác biệt nhau ở 3 nhóm hộ khá, trung bình và nghèo. Nhóm hộ khá có diện tích chè và cà phê nhiều hơn nhóm hộ trung bình và nghèo. Trung bình hộ khá có gần 7,6 sào cà phê, trong khi đó hộ nghèo và

trung bình có khoảng 5 đến 5,4 sào cà phê. Cà phê nơi đây chủ yếu là lâu năm, kỹ thuật canh tác đơn giản, năng suất thấp. Năng suất cà phê cao nhất ở nhóm hộ khá là 134 kg/sào. Ở các hộ trung bình và nghèo năng suất lần lượt là 105 kg/sào và 102 kg/sào. Nguyên nhân của sự khác biệt này là khả năng mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cũng như kinh nghiệm và kiến thức của các nhóm hộ khác nhau.

Bên cạnh trồng trọt, cơ cấu chăn nuôi cũng khác nhau ở các nhóm hộ. Nhóm hộ khá và trung bình nuôi số lượng nhiều hơn, chủ yếu là bò, dê. Trong khi đó nhóm hộ nghèo chọn nuôi heo và gà, chủ yếu là các giống địa phương.

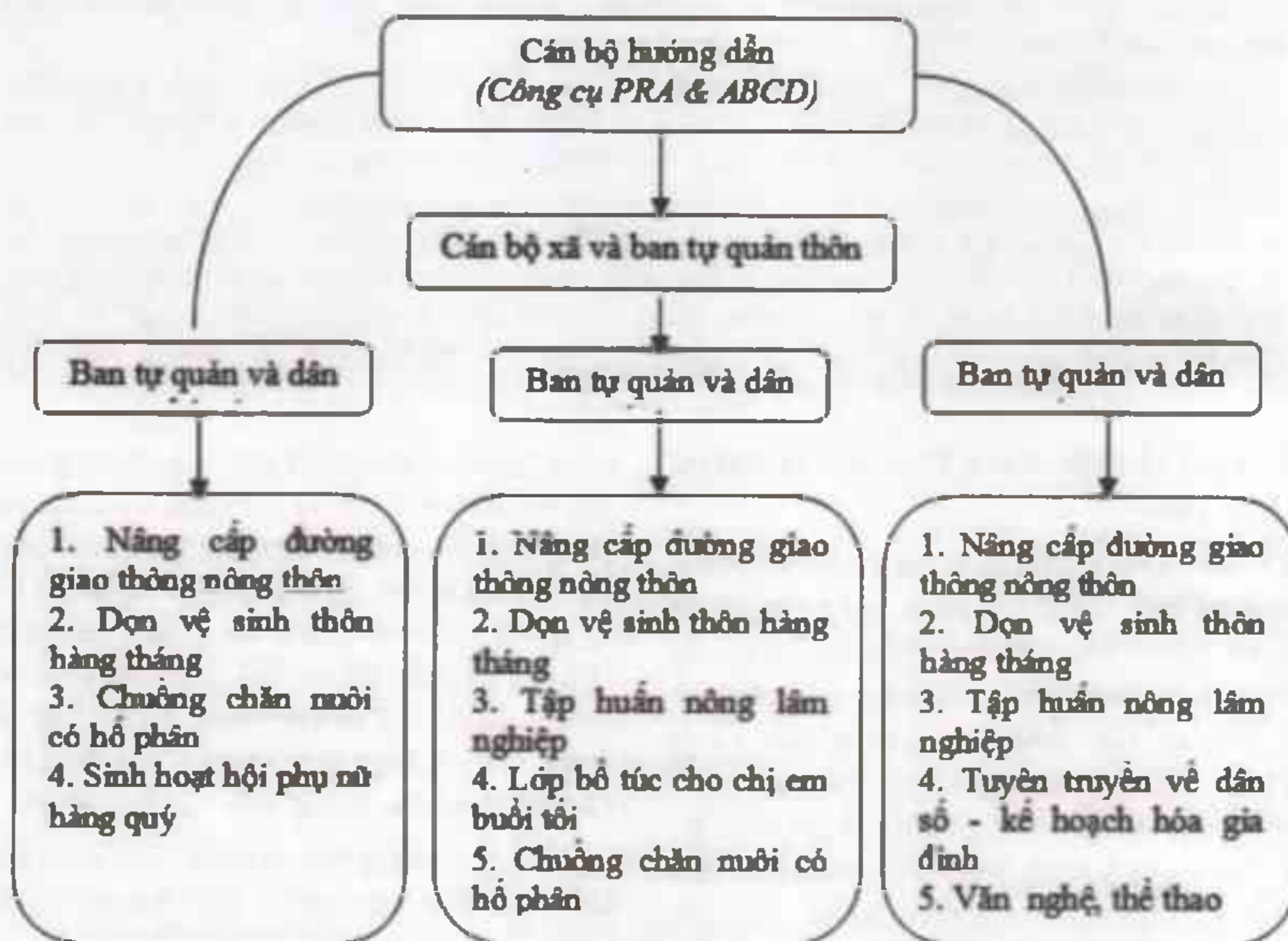
Nhận diện khó khăn của các hoạt động sản xuất giúp cho việc tìm ra nhu cầu cần thiết của người dân, từ đó có chính sách tác động phù hợp để phát triển kinh tế cho địa phương. Kết quả khảo sát cho thấy người dân gặp khó khăn nhất là giá cả biến động, tiếp đến là khó khăn về vốn đầu tư cho sản xuất và hạn chế kiến thức về khoa học kỹ thuật trong các hoạt động sản xuất. Đất xấu, giống kém chất lượng và tình trạng thiếu nước trong mùa khô cũng là một trong những khó khăn của người dân xã Lộc Tân.

Đánh giá hiện trạng của xã Lộc Tân theo bộ *Tiêu chí quốc gia về nông thôn mới* (có 19 chỉ tiêu), Lộc Tân chỉ có 2 tiêu chí đạt 100% là hệ thống tổ chức chính trị vững mạnh và an ninh, trật tự xã hội; tiêu chí về điện đạt 90%; 6 tiêu chí đạt 50% (Quy hoạch và thực hiện quy hoạch, Cơ sở vật chất văn hóa, Bưu điện, Nhà ở dân cư, Hộ nghèo, Y tế); 4 tiêu chí từ 0-1% (Giao thông, Trường học, Chợ nông thôn, Hình thức tổ chức sản xuất), một

số tiêu chí khác đạt từ 5-30% như giáo dục, văn hóa,...

**Hướng dẫn người dân lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từ địa phương**

Đề tài đã tiến hành tập huấn hướng dẫn người dân lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cho các cán bộ xã và ban tự quản thôn, buôn; Sau đó trực tiếp hướng dẫn công tác lập kế hoạch cho các thôn 1, 2 và 3. Sơ đồ và kết quả tập huấn như sau (theo thứ tự ưu tiên):



Nhóm nghiên cứu đã sử dụng bộ công cụ PRA và phương pháp chẩn đoán ABCD để đánh giá hiện trạng cây ăn quả và cây công nghiệp, chăn nuôi, y tế, giáo dục, nước uống và nước sinh hoạt, đường giao thông, vấn đề phụ nữ, phân tích kinh tế cộng đồng và vẽ bản đồ thôn, lớp học. Đề tài đã hướng dẫn người dân phân tích những thuận lợi, khó khăn của từng vấn đề và đề xuất kế hoạch cho địa phương mình dưới trên những gì sẵn có, dưới đây là một số kế hoạch cần phải được thực hiện, cụ thể như sau:

- Nâng cấp đường giao thông liên thôn để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt đi lại và sản xuất của người dân;

- Tập huấn về khoa học kỹ thuật để người dân nâng cao kiến thức trong sản xuất.

- Tập huấn cho cán bộ xã và ban tự quản các thôn, tập huấn về kỹ thuật canh tác một số cây trồng vật nuôi chính tại xã như kỹ thuật canh tác cà phê, chè, bơ, mít, kỹ thuật chăn nuôi bò, dê và biện pháp giảm ô nhiễm môi trường do chăn nuôi.

Đối với vấn đề vệ sinh định kỳ thôn xóm: địa phương không yêu cầu sự hỗ trợ từ bên ngoài.

**Xây dựng mô hình phát triển sản xuất**

Đề tài đã tiến hành xây dựng một số mô hình áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào





Lập kế hoạch phát triển KT-XH tại địa phương sản xuất như chăn nuôi bò, dê; cải tạo và chăm sóc vườn cà phê già cỗi, chăm sóc vườn chè; trồng bơ ghép nhằm nâng cao thu nhập cho người dân.

### Kết luận

Với những điều kiện thuận lợi về tự nhiên và xã hội, Lộc Tân có nhiều cơ hội để xây dựng thành công mô hình nông thôn mới dựa vào cộng đồng. Và qua kết quả bước đầu cho thấy các mô hình đã phát triển tốt, được người dân đánh giá cao.

Tuy nhiên, là một xã vùng sâu, vùng xa, đa số là đồng bào dân tộc thiểu số, trình độ dân

trí thấp, kinh tế phát triển chậm, cơ sở hạ tầng yếu,... sẽ ảnh hưởng nhiều đến việc xây dựng mô hình nông thôn mới. Do đó để việc xây dựng nông thôn mới mang lại hiệu quả thiết thực, cần lưu ý một số vấn đề:

- Cần phát huy tối đa nội lực của người dân bản địa trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới, tránh tâm lý ỷ lại, chỉ biết trông chờ vào nhà nước của đại bộ phận bà con dân tộc thiểu số.

- Tuy nhiên nhà nước cũng phải đầu tư thỏa đáng để xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng cho các vùng nông thôn mới, tạo điều kiện cho người dân phát triển trên tất cả các mặt kinh tế - xã hội.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền tập huấn nhằm nâng cao nhận thức cho người dân, đội ngũ già làng, trưởng bản và cả chính quyền địa phương; tích cực lồng ghép tuyên truyền, vận động người dân tham gia xây dựng nông thôn mới thông qua các chương trình, nghị quyết, sinh hoạt đoàn thể và hội họp thôn, buôn. Mặt khác phải lồng ghép các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn để phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân. ■

## HOẠT ĐỘNG NUÔI CÂY MÔ PHỤC VỤ SẢN XUẤT CỦA TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

*(Tiếp theo trang 20)*

chương trình/dự án mang lại lợi ích kinh tế cho địa phương. Ngoài ra, cũng cần thường xuyên đào tạo cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật trẻ để có thêm kiến thức, kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực này.

- Để các cơ sở nuôi cấy mô trong tỉnh Lâm Đồng thực sự là địa chỉ tin cậy cho người nông dân, những người trồng hoa và sinh vật cảnh của địa phương và các tỉnh lân cận tiếp cận với nguồn giống cây sạch bệnh và chất lượng cao, cần có những biện pháp quản lý chặt hơn việc công bố chất lượng tiêu chuẩn cây giống do đơn vị sản xuất theo đúng quy định của Pháp lệnh giống cây trồng.

Hy vọng với những cố gắng nỗ lực của đội ngũ cán bộ kỹ thuật và sự tạo điều kiện

của các cấp lãnh đạo, hoạt động nuôi cấy mô của Trung tâm Ứng dụng KH-CN tỉnh Lâm Đồng sẽ ngày càng phát triển, đảm bảo nguồn giống cây mô sạch bệnh cung cấp cho người sản xuất, tạo uy tín về chất lượng sản phẩm rau, hoa của Đà Lạt trên thị trường. Qua đó xây dựng cơ sở sản xuất cây giống mô có uy tín chất lượng, giúp quảng bá sản phẩm của Trung tâm, nâng cao hiệu quả chất lượng của hoạt động sản xuất nhân cấy mô của Đà Lạt nói chung và của Trung tâm nói riêng. ■

\* Khách hàng có nhu cầu về cây giống, quy trình nhân giống, có thể liên hệ với:

**Trung tâm Ứng dụng KH-CN tỉnh Lâm Đồng**

35 Trần Hưng Đạo - Đà Lạt

ĐT: 063. 3833155

## CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI TỈNH LÂM ĐỒNG

**NGUYỄN TẤN CHÂU**  
Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng

Phát triển con người là một khái niệm phát triển kinh tế - xã hội có tính tổng hợp do Liên hiệp quốc đưa ra trên cơ sở kết hợp giữa phát triển kinh tế với phát triển trong các lĩnh vực xã hội như giáo dục, y tế, môi trường sống, an sinh xã hội, an ninh con người, bình đẳng giới, ... Thước đo phát triển con người do các nhà sáng lập ra quan điểm này xây dựng được gọi là Chỉ số phát triển con người (Human Development Index – HDI).

Chỉ số HDI đo lường sự tiến bộ chung của một quốc gia, một địa phương về phát triển con người dựa trên ba khía cạnh cơ bản:

- (1) Cuộc sống lâu dài và khỏe mạnh, được đo bằng tuổi thọ trung bình
- (2) Khả năng tiếp cận với tri thức, được đo bằng tỷ lệ người lớn biết chữ và tỷ lệ đi học tổng hợp chung ở các cấp giáo dục;
- (3) Mức sống hợp lý, được đo bằng GDP bình quân theo phương pháp sức mua tương đương.

Chỉ số HDI có giá trị từ 0 đến 1; các quốc gia, các địa phương được xếp hạng trên cơ sở giá trị của chỉ số này, với thứ tự xếp hạng số 1 thể hiện cho giá trị của chỉ số HDI cao nhất, đồng nghĩa với quốc gia đó, địa phương đó phát triển nhất xét theo góc độ phát triển con người.

### Chỉ số phát triển con người hiện nay của tỉnh Lâm Đồng

Nhận thức sâu sắc về vai trò và tầm quan trọng của việc đo đạc, tính toán chỉ số HDI đối với công tác quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, lãnh đạo tỉnh đã chỉ đạo triển khai nghiên cứu một cách có hệ thống chỉ số phát triển con người ở Lâm

Đồng giai đoạn 2000-2002, 2003-2008 làm căn cứ quan trọng để đánh giá thực trạng tình hình kinh tế - xã hội, là cơ sở để hoạch định mục tiêu phát triển của địa phương trong những năm tiếp theo.

Kết quả nghiên cứu, tính toán chỉ số HDI và các chỉ số thành phần của tỉnh Lâm Đồng được thể hiện ở bảng sau:

**Chỉ số HDI và các chỉ số thành phần tỉnh Lâm Đồng 2003-2008**

TT	Chỉ tiêu	2003	2004	2005	2006	2007	2008
1	GDP bình quân đầu người theo PPP-USD <sup>(1)</sup>	931.6	1,114.2	1,387.6	1,663.0	2,142.9	2,310.5
	- Chỉ số GDP	0.372	0.402	0.439	0.469	0.512	0.524
2	Tuổi thọ trung bình	73.5	73.7	74.0	74.3	74.5	75.0
	- Chỉ số tuổi thọ	0.808	0.812	0.817	0.822	0.825	0.833
3	Chỉ số giáo dục	0.8080	0.8099	0.8105	0.8145	0.8134	0.8177
4	Chỉ số HDI	0,6629	0,6746	0,6887	0,7018	0,7166	0,7250

<sup>(1)</sup> PPP - Cân bằng sức mua (Purchasing Power Parity)

Kết quả tính toán cho thấy chỉ số HDI tỉnh Lâm Đồng từ 2003-2008 về giá trị đã tăng từ 0,6629 lên 0,7250 điểm. So sánh với cả nước, giá trị chỉ số này còn thấp hơn mức bình quân chung nhưng khoảng cách chênh lệch đã được rút ngắn: năm 2003 chỉ số HDI của Lâm Đồng thấp hơn chỉ số chung cả nước 0,0411 điểm, đến năm 2007 chỉ còn chênh lệch 0,0084 điểm. Xếp hạng phát triển con người ở Lâm Đồng cũng được cải thiện khá nhanh, từ thứ hạng 31/61 tỉnh/thành (năm 1999), vươn lên xếp hạng 22/64 (năm 2005). So với các tỉnh trong khu vực Tây Nguyên thì chỉ số HDI của Lâm Đồng luôn cao hơn (năm 2005 xếp hạng chỉ số HDI của Gia Lai là 24, Đắk Lắk - 26, Kon Tum - 29).

Nếu nghiên cứu sâu hơn về các thành tố được đưa vào tính HDI hiện nay sẽ cho thấy mối tương quan giữa chỉ số HDI và các chỉ số thành phần như sau:

+ *Chỉ số GDP*: Giai đoạn 2003-2008, tăng trưởng kinh tế (GDP) Lâm Đồng đạt mức tăng trưởng khá (bình quân 17,9%/năm), do tốc độ tăng dân số chậm hơn nhiều so với tốc độ tăng GDP nên GDP bình quân đầu người theo VND cũng như theo sức mua tương đương (USD-PPP) ngày càng tăng nhanh. GDP bình quân đầu người theo sức mua tương đương (ICP 2005) từ 931,6 USD/người (2003) lên 2.310,5 USD/người (2008); với mức tăng bình quân giai đoạn 2003-2008 là 18,6%/năm.

Cũng từ kết quả tính toán ở trên cho thấy chỉ số GDP Lâm Đồng liên tục tăng qua các năm. Chỉ số GDP Lâm Đồng (theo ICP 2005) từ 0,372 (2003) tăng lên 0,524 (2008) tăng 0,152 điểm, trong khi đó cả nước tăng từ 0,479 năm 2003 tăng lên 0,561 năm 2008 (tăng 0,082 điểm) và khu vực Tây Nguyên từ 0,357 năm 2003 tăng lên 0,498 năm 2008 (tăng 0,141 điểm).

Do tốc độ tăng trưởng kinh tế của Lâm Đồng trong giai đoạn này khá nhanh đã góp phần nâng cao thứ hạng chỉ số GDP trong cả nước: năm 2003 xếp hạng 30 (cao hơn 1

bậc so với thứ hạng HDI), đến năm 2005 xếp hạng 19 (cao hơn 3 bậc so với thứ hạng HDI). Điều này cho thấy tuy chỉ số GDP tăng khá nhanh nhưng GDP bình quân đầu người của Lâm Đồng vẫn còn thấp hơn mức bình quân chung của cả nước nên sự đóng góp của tăng trưởng kinh tế trong phát triển con người ở Lâm Đồng vẫn còn những hạn chế nhất định.

+ *Chỉ số tuổi thọ*: Tuổi thọ của Lâm Đồng khá cao và được cải thiện trong thời gian qua do điều kiện thiên nhiên ưu đãi, mặt khác công tác khám, chữa bệnh ngày càng được nâng cao; cơ sở hạ tầng y tế từ tuyến tỉnh, huyện đến y tế thôn, bản ngày càng được chú trọng và tăng cường,...

Kết quả nghiên cứu cho thấy, mức độ chết của dân số tỉnh Lâm Đồng thấp so với mức chung của cả nước. Năm 1999, trong khi tỷ suất chết của trẻ sơ sinh của cả nước là 36,7‰, thì tỷ suất chết của trẻ sơ sinh tỉnh Lâm Đồng chỉ có 22,8‰, chưa bằng 2/3 mức độ của cả nước. Năm 2008, tỷ suất chết của trẻ sơ sinh tỉnh Lâm Đồng là 14‰.

Do mức độ chết nói chung cũng như tỷ suất chết của trẻ sơ sinh thấp nên tuổi thọ trung bình của tỉnh Lâm Đồng cao và tăng tương đối nhanh. Từ năm 1999 đến 2008, tuổi thọ trung bình của tỉnh Lâm Đồng đã tăng 2,5 năm, từ 72,5 năm (1999) lên 75,0 năm (2008); trong vòng 5 năm gần đây (từ 2003 đến 2008), tuổi thọ trung bình của Lâm Đồng tăng 1,5 năm. Tuổi thọ trung bình của Lâm Đồng cao hơn các tỉnh Tây Nguyên và cả nước: Năm 2006 tuổi thọ trung bình của Lâm Đồng là 74,3 năm thì tuổi thọ trung bình của khu vực Tây Nguyên là 69,9 năm; năm 2007 tuổi thọ trung bình của Lâm Đồng là 74,5 năm, thì tuổi thọ trung bình cả nước là 74,3 năm.

+ *Chỉ số giáo dục*: Chỉ số giáo dục của Lâm Đồng trong thời gian qua tuy có tăng nhưng chậm, từ 0,8080 năm 2003 lên 0,8177 năm 2008 (tăng 0,0097), do tác động chủ yếu của các yếu tố sau:

Cơ cấu nhóm tuổi của dân số từ 15 tuổi

trở lên biết chữ so với tổng dân số 15 tuổi trở lên ít biến động giữa các năm nên tỉ lệ người lớn biết chữ của tỉnh giữa các năm thay đổi không đáng kể nhưng vẫn có xu hướng tăng lên ở mức độ chậm, năm 2003 là 88,80%, năm 2007 là 91,56% và đến năm 2008 là 91,97%. Tỷ lệ này cao hơn mức bình quân của cả nước (năm 2007 đạt 90,3%).

Do tỷ lệ người lớn biết chữ tăng trong giai đoạn 2003-2008 (tăng 0,0317 điểm), trong khi đó tỷ lệ nhập học các cấp học có xu hướng giảm nên chỉ số giáo dục của Lâm Đồng chưa có những cải thiện đáng kể và xấp xỉ mức bình quân của cả nước (năm 2007 chỉ số giáo dục của cả nước là 0,8067, Lâm Đồng là 0,8134). Theo kết quả xếp hạng năm 2005 thì chỉ số giáo dục của Lâm Đồng xếp thứ 24/64 tỉnh/thành (thấp hơn thứ hạng chỉ số HDI 2 bậc), thấp hơn tỉnh Đắk Lắk (hạng 21), cao hơn Kon Tum (hạng 25), Gia Lai (hạng 27),...

Dự báo đến năm 2015, chỉ số GDP đạt 0,695, tăng 0,099 điểm so năm 2010. Chỉ số tuổi thọ từ 0,842 (năm 2010) tăng lên 0,867 (năm 2015), tăng 0,025 điểm. Chỉ số giáo dục cũng có xu hướng tăng lên từ 0,8216 (năm 2010) lên 0,8380 (năm 2015), tăng 0,164 điểm.

Như vậy, trong giai đoạn 2010-2015 các chỉ số thành phần đều có xu hướng tăng lên, nhất là chỉ số GDP tăng nhanh do nền kinh tế tiếp tục duy trì được nhịp độ phát triển cao, do đó chỉ số HDI của Lâm Đồng trong giai đoạn này cũng tăng khá: chỉ số HDI năm 2015 đạt 0,80, tăng 0,0468 điểm, bình quân hàng năm tăng 0,094 điểm. Với kết quả dự báo như trên, đến năm 2015 chỉ số HDI Lâm Đồng sẽ xếp trong top 20 của cả nước.

**Một số đề xuất nhằm nâng cao chỉ số HDI và các chỉ số thành phần đến năm 2015**

Để nâng cao chỉ số HDI trong giai đoạn tới, cần có sự phối hợp chặt chẽ của các cơ

quan, ban ngành có liên quan. Đề xuất một số giải pháp chung như sau:

**Một là**, phát triển nền kinh tế với tốc độ cao và bền vững, có chính sách đầu tư phát triển các dự án kinh tế - xã hội nhiều hơn nữa vào vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhằm thu hẹp khoảng cách thu nhập giữa các tầng lớp dân cư, giữa thành thị và nông thôn. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển để duy trì tốc độ phát triển kinh tế.

**Hai là**, tiếp tục nâng cao chỉ số tuổi thọ của người dân bằng các biện pháp cụ thể như: Nâng cao chất lượng dân số thông qua các chính sách duy trì mức sinh hợp lý; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em, tăng cường sức khỏe bà mẹ, xây dựng và mở rộng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe gia đình và phúc lợi xã hội; nâng cao phúc lợi xã hội. Nâng cao tầm vóc, thể lực và trình độ dân trí để nâng cao chất lượng dân số.

**Ba là**, nâng cao trình độ dân trí cho mọi tầng lớp dân cư thông qua việc tạo mọi điều kiện để huy động học sinh trong độ tuổi ra lớp, hạn chế tối đa tình trạng học sinh bỏ học nhằm nâng cao tỷ lệ nhập học của các cấp học phổ thông; tăng cường công tác xã hội hoá giáo dục; mở rộng các loại hình đào tạo bậc đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh, nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển nguồn nhân lực với chất lượng cao.

**Bốn là**, ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, tình trạng nghiện hút ma túy và tình trạng lây nhiễm HIV/AIDS, nhất là tại các khu đô thị lớn trong tỉnh.

**Năm là**, chú trọng bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển.

Hài hòa giữa nhu cầu phát triển chung của địa phương như một tổng thể với nhu cầu phát triển của người dân như những cá thể là một trong những yêu cầu quan trọng nhất nhằm phát triển chỉ số phát triển con người một cách toàn diện. ■

## NHỮNG CÂY HOA LÀM THUỐC

DS. NGUYỄN THỌ BIÊN

### THƠM ỎI

Còn gọi là Hoa Ngũ sắc, Bông ổi, Trâm ổi, Tứ quý, Mã anh đơn.

Tên khoa học: *Lantana Camara L.*

Thuộc họ: Cỏ roi ngựa (*Verbenaceae*).

Nguồn gốc ở Trung Mỹ.

**Mô tả:** Cây nhỏ, mọc thành bụi cao từ 1-2 m. Thân có 4 cạnh, có gai nhỏ. Lá mọc đối, nhám, ngoài bìa có khía răng cưa. Cụm hoa đầu ở nách lá và ngọn. Hoa nhiều màu và đổi màu: từ vàng nhạt, vàng tươi, đỏ, trắng. Quả hạch hình cầu khi chín màu đen, có 1-2 hạt cứng. Quả lúc chín, ngọt, ăn được; quả non không ăn được, có độc.

**Bộ phận dùng:** Lá, hoa, rễ.

**Thành phần hoá học:** Hoa, lá chứa tinh dầu. Tinh dầu có 8% terpen bicyclic và 10-12% L-a.phelandren.

Trong vỏ cây chứa alkaloid tên là lantanin.

**Công dụng:** Hoa có vị ngọt, tính mát, có tác dụng cầm máu, chữa viêm họng, viêm phổi, cảm sốt, hạ huyết áp. Dùng hoa sắc uống, ngày dùng 20 g hoa tươi hoặc 10 g hoa khô.

Lá có vị đắng, tính mát, hơi có độc. Dùng lá tươi sắc đặc để rửa vết thương, mụn lở, eczema,... Rễ có tác dụng thanh nhiệt chữa cảm sốt, mụn nhọt. Ngày dùng 10-20 g sắc uống.



### RẠNG ĐÔNG

Còn gọi là hoa Lửa, hoa Kèn cam, cây Chùm ớt.

Tên khoa học: *Pyrostegia ignea (Vahl.) presl.*

Thuộc họ: Núc nác (*Bignoniaceae*).

Nguồn gốc ở Nam Mỹ (Brazil, Paraguay, Bolivia).

**Mô tả:** Cây leo nhỏ, lá mọc đối, phiến lá mỏng, nhẵn, màu xanh đậm. Hoa hợp thành chùy lớn, mang nhiều hoa. Cuống mềm làm cả chùm hoa rũ xuống. Hoa lớn, dài, màu vàng cam, hoa nở gần như quanh năm. Hoa nở rực rỡ như ánh sáng mặt trời lúc rạng đông.

**Bộ phận dùng:** Hoa, lá, thân.

**Công dụng:** Hoa có vị ngọt, tính bình có tác dụng nhuận phế, giảm ho, thường dùng làm thuốc long đờm, trị ho, viêm họng, viêm khí quản. Ngày dùng 10-20 g sắc uống. Thân lá đắng, hơi chát, tính bình có tác dụng thanh nhiệt, chữa ho, hầu họng sưng đau, viêm khí quản, ngày dùng 20-30 g sắc uống.



### RÂM BỤT

Còn gọi là Bụt, bông Bụt, bông Cấn, Dâm bụt.

Tên khoa học: *Hibiscus rosa-sinensis L.*

Thuộc họ: Bông (*Malvaceae*).

Nguồn gốc ở Trung Quốc, Nhật Bản.



**Mô tả:** Cây bụi lớn cao 4-5 m. Cành nhánh rất dày đặc. Lá hình bầu dục, nhọn đầu, mép có răng cưa. Hoa lớn mọc ở nách lá, cuống hoa dài, tràng 5 cánh màu đỏ, nhị nhiều tập hợp trên một trụ dài. Cây này có nhiều chủng nên có nhiều màu hoa. Mùa hoa thường vào tháng 5-7.

**Bộ phận dùng:** Rễ, hoa, lá.

**Thành phần hoá học:**

Hoa chứa Vitamin B1, B2, C, sắc tố anthocyanin, cyanin diglucosid. Lá chứa alcaloid. Hoa và lá chứa chất nhầy.

**Công dụng:** Hoa vị ngọt, tính bình, có tác dụng thanh nhiệt, giải độc, lợi niệu, chỉ huyết, sát trùng, dùng chữa kinh nguyệt không đều, khó ngủ, hồi hộp, viêm tai, nhuận tràng. Liều dùng hoa tươi 30 g sắc uống trong ngày.

Lá dùng chữa viêm niêm mạc dạ dày, ruột, đại tiểu tiện ra máu, chữa kiết lỵ, mụn nhọt. Liều dùng lá tươi 15-30 g sắc uống.

Lá và hoa còn dùng tươi giã nát đắp vào mụn nhọt.

Ngoài cây Râm bụt kể trên còn có cây Râm bụt xẻ cánh (*Hibiscus Schizopetalus (Mast.)*), Râm bụt kép (*Hibiscus Syriacus L.*), Râm bụt leo (*Malvaviscus Arboreus Cav.*), đều thuộc họ Bông, dùng làm thuốc có tác dụng gần giống cây trên.

**Một số bài thuốc:**

- Chữa viêm tuyến mang tai: Lá râm bụt 30 g sắc uống trong ngày. Dùng hoa giã nát đắp ngoài nơi tai đau.

- Chữa kinh nguyệt không đều: Vỏ rễ râm bụt 30 g, lá huyết dụ 25 g, ngải cứu 10 g. Sắc uống trong ngày, uống trước ngày hành kinh 3 ngày.

- Chữa mất ngủ: Lá râm bụt 15 g, hoa nhài 12 g sắc uống vào buổi chiều.

- Chữa quai bị: Lá râm bụt 50 g, hành củ 50 g giã nhỏ, gạn nước uống, bã đắp vào nơi quai bị.■

**HỢP THƯ CỘNG TÁC VIÊN**

Trong thời gian qua, Bản tin Thông tin Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng đã nhận được tin, bài của các tác giả: Nguyễn Thọ Biên, Hoàng Thị Cẩm Tú, Châu Thị Minh Long, Võ Khiêm, Nguyễn Tú Uyên, Trương Ngọc Lý, Nguyễn Tấn Châu, Đoàn Hữu Ngạn, Lê Xuân Thám, Tamikazu Kume, Dương Huỳnh, Phan Bồn, Nguyễn Văn Lâm, Nguyễn Như Chương, Thái Văn Long...

Ban biên tập chân thành cảm ơn sự cộng tác nhiệt tình của các cộng tác viên. Tin, bài các bạn gửi đến, chúng tôi sẽ xem xét và sắp xếp để sử dụng phù hợp với chủ đề của Bản tin vào thời gian thích hợp nhất.

Bản tin Thông tin Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng số 1 năm 2011 tập trung vào chủ đề đánh giá, nhận định tình hình hoạt động khoa học và công nghệ trên các lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong năm qua; đồng thời cũng đề ra những định hướng hoạt động khoa học và công nghệ kế hoạch 5 năm 2011-2015; những vấn đề mới như hoạt động phân tích, chứng nhận chất lượng; ứng dụng hạt nhân trong phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lâm Đồng,...

Rất mong nhận được sự cộng tác nhiệt tình của các bạn.

Địa chỉ liên hệ: Phòng Thông tin và Thống kê Khoa học Công nghệ  
Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng - 35 Trần Hưng Đạo, Đà Lạt  
Điện thoại: 0633 833163 - Fax: 0633 824941 - Email: [tapsan@dalat.gov.vn](mailto:tapsan@dalat.gov.vn)

## VẤN ĐỀ SỬ DỤNG VACCIN ĐỂ PHÒNG BỆNH HEO TAI XANH

**BSTY. HOÀNG HUY LIỆU**  
*Chi cục Thú y Lâm Đồng*

### 1. Đặc điểm của vi rút gây bệnh

Theo kết luận của Cục Thú y, vi rút gây bệnh tai xanh trên heo tại Việt Nam từ năm 2007 đến nay thuộc dòng Bắc Mỹ và rất giống với type vi rút gây bệnh heo tai xanh tại Trung Quốc từ năm 2006. Kết quả giải mã gen các mẫu vi rút gây bệnh tại các ổ dịch vừa qua cho thấy type vi rút gây bệnh năm 2010 cùng loại với type gây bệnh trong những năm trước, tuy nhiên vi rút đã có sự biến đổi và tạo thành một nhóm khác. Đặc tính của vi rút là cơ sở để lựa chọn vaccin phù hợp.

### 2. Về chủng loại vaccin hiện nay trên thị trường

Hiện nay, đã có 05 loại vaccin phòng bệnh tai xanh có trong Danh mục được phép lưu hành và hiện có 04 loại vaccin sau đang lưu hành tại Việt Nam, bao gồm:

a) Vaccin BSL-PS100 của Bestar Laboratories-Singapo: là vaccin sống, nhược độc dạng đông khô thể hệ mới có nguồn gốc từ chủng JKL-100 thuộc dòng Mỹ. Theo tài liệu nghiên cứu, đây là vaccin có độ an toàn cao, kích hoạt hệ thống miễn dịch nhanh chóng và thời gian miễn dịch kéo dài (khoảng 16 tuần).

b) Vaccin Amervac-PRRS của Công ty Laboratories HIPRA S.A (Tây Ban Nha): là vaccin sống, nhược độc dạng đông khô chủng VP046 BIS. Theo tài liệu nghiên cứu, chủng này có khả năng kích thích cơ thể sinh kháng thể chống lại các vi rút thực địa dòng châu Âu và có khả năng bảo hộ chéo với chủng châu Mỹ. Vaccin này có độ an toàn cao (không trở lại độc lực, không gây sốt và phản ứng phụ khi tiêm, không bài thải vi rút vaccin ra môi trường, có thể tiêm cho nái chửa), kháng thể

bảo hộ tại ngày thứ 11 sau tiêm là 80%, ngày thứ 32 là 100% và duy trì tới ngày thứ 125.

c) Vaccin hội chứng hô hấp, sinh sản heo (PRRS) vô hoạt nhũ dầu chủng NVDC-JXA1 do Công ty Chendu Medical E&P of China Animal Health Husbandry - Trung Quốc sản xuất. Kết quả thí nghiệm cho thấy vaccin an toàn khi sử dụng, đáp ứng miễn dịch do vaccin tạo ra làm giảm mức độ trầm trọng khi mắc bệnh. Đáp ứng miễn dịch do vaccin loại bỏ hoàn toàn vi rút trong cơ thể heo vào khoảng 2-3 tuần sau khi bị nhiễm, do vậy heo được tiêm vaccin, khi bị nhiễm vi rút cường độc sẽ không bài thải vi rút cường độc ra môi trường.

d) Vaccin Ingelvac PRRS MLV do hãng Boehringer Ingelheim VET của Đức sản xuất, đây là vaccin nhược độc đông khô, chủng ATCC VR-2332, độ dài miễn dịch ít nhất là 4 tháng, từ kết quả thí nghiệm cho thấy vaccin nhược độc *Ingelvac* PRRS MLV rất an toàn, có tác dụng kích thích cơ thể tạo đáp ứng miễn dịch và khi heo bị bệnh nhiễm vi rút cường độc thì đáp ứng miễn dịch sẽ mạnh hơn, mức độ trầm trọng của bệnh giảm đáng kể. Đáp ứng miễn dịch do vaccin giúp loại bỏ hoàn toàn vi rút trong cơ thể heo vào khoảng 2-3 tuần sau khi bị nhiễm, do vậy heo được tiêm vaccin, khi bị nhiễm vi rút cường độc sẽ không bài thải vi rút cường độc ra môi trường.

### 3. Đặc điểm chung của các vaccin phòng bệnh tai xanh hiện nay

Cục Thú y đã tiến hành các thí nghiệm và kết luận như sau:

a) Sau khi tiêm phòng vaccin, hàm lượng

kháng thể dịch thể sinh ra thấp và heo vẫn có thể nhiễm vi rút thực địa gây bệnh tai xanh và phát bệnh lâm sàng.

b) Sau khi tiêm phòng vaccin, đáp ứng miễn dịch do vaccin tạo ra có thể giúp heo giảm mức độ trầm trọng (đánh giá qua các tổn thương về đại thể, vi thể) khi bị nhiễm chủng vi rút thực địa bệnh tai xanh; một số heo có thể không có đáp ứng miễn dịch với vaccin sau khi được tiêm phòng (có thể do đặc điểm sinh lý của heo và đặc tính sinh học của vi rút tai xanh).

**4. Khuyến cáo về phòng chống dịch heo tai xanh**

a) Từ những đặc điểm trên cho thấy hiệu quả phòng bệnh của vaccin tai xanh *không cao*, hơn nữa heo tiêm phòng vaccin vẫn có thể bị nhiễm vi rút thực địa và phát bệnh lâm sàng, do vậy khuyến cáo các địa phương nên cân nhắc kỹ trước khi quyết định áp dụng biện pháp tiêm phòng vaccin để phòng bệnh tai xanh.

b) Cần áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch theo quy định tại Quyết định số 80/2008/QĐ-BNN ngày 15/7/2008 của Bộ Nông

ng nghiệp & PTNT, theo đó lấy phương châm *"Phòng bệnh là chính"*. Các biện pháp phòng dịch hiệu quả bao gồm: Chuồng trại đảm bảo thoáng mát về mùa hè, ấm về đông, tránh gió lùa; tăng cường chăm sóc, nuôi dưỡng đàn heo; áp dụng triệt để các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học; tiêm phòng các loại vaccin phòng bệnh nguy hiểm ở heo.

c) Các trang trại chăn nuôi tập trung, ở vùng chưa từng bị dịch tai xanh và có điều kiện kinh tế có thể tiêm một trong số các loại vaccin phòng bệnh tai xanh nêu trên cho đàn heo nhằm giảm thiểu thiệt hại khi có dịch. Tuy nhiên, cần lưu ý: vaccin phòng bệnh tai xanh có giá thành cao và hiệu quả phòng bệnh không cao.

Hiện nay, Cục Thú y đang cho tiêm thử nghiệm một loại vaccin nhược độc đông khô (chủng JXAI-R) của Trung Quốc trên địa bàn một số tỉnh. Tại Lâm Đồng đã tiêm thử nghiệm 11.0000 liều, bước đầu có những đánh giá tốt. Cục Thú y sẽ đánh giá tổng kết và xem xét đề hướng dẫn sử dụng nếu có hiệu quả cao. ■

**HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TBT**

*(Tiếp theo trang 15)*

còn lỏng lẻo; đội ngũ cán bộ phụ trách TBT của các đơn vị chưa được tập huấn chuyên sâu về TBT. Thêm vào đó, sự quan tâm của lãnh đạo một số đơn vị chưa sát sao nên việc đưa thông tin trong các lĩnh vực chuyên ngành còn nhiều hạn chế.

Hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh là doanh nghiệp vừa và nhỏ, quy mô hoạt động mang tính chất gia đình nên khó đáp ứng được yêu cầu của thị trường xuất khẩu, đặc biệt với các thị trường lớn như Nhật Bản, Hoa Kỳ.

Nhiều doanh nghiệp chưa hiểu rõ về hoạt động của TBT-LĐ nên đã không khai thác triệt để những hỗ trợ cảnh báo thông tin, tiêu chuẩn, QCKT cũng như những yêu cầu khắt

khe của các thị trường nước ngoài.

Một hạn chế nữa là hiện nay chưa có các quy định, hướng dẫn cụ thể về chi phí cho hoạt động của TBT. Chính vì thế, TBT-LĐ hiện nay gặp nhiều lúng túng trong đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng cơ sở dữ liệu,...

Để kinh doanh thực sự hiệu quả, các doanh nghiệp xuất khẩu cần phải được trang bị đầy đủ kiến thức về hội nhập, đặc biệt là về rào cản kỹ thuật trong thương mại. TBT-LĐ sẽ đẩy mạnh tuyên truyền, cập nhật thông tin liên quan để nâng cao nhận thức về TBT cho doanh nghiệp, từ đó có những chiến lược kinh doanh phù hợp, tránh những rủi ro trong sản xuất và kinh doanh, mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất. ■



## DINH DƯỠNG CỦA TRÁI BƠ

**PHAN BỒN**

*Công ty Vắc xin Pasteur Đà Lạt*

**Đặc điểm chung của cây bơ** (*Persea americana Mill.*)

Cây bơ có nguồn gốc từ Mexico và Trung Mỹ. Bơ thuộc chi *Persea*, họ *Lauraceae*. Tại Việt Nam đầu tiên người Pháp đã đưa cây bơ vào Lâm Đồng từ những năm 1940.

Phần lớn các giống có giá trị thương mại và được trồng phổ biến ở Việt Nam đều thuộc 3 chủng: chủng Mexico, chủng Guatemala và chủng Antilles hay West Indian.

Bơ là một trong 7 loại cây ăn quả được Việt Nam chọn để ưu tiên phát triển (FAO, 1999). Những vùng trồng bơ chính thuộc các tỉnh như Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, nhiều nhất là Đắk Lắk và Lâm Đồng.

Cây bơ tại Việt Nam chưa được trồng ở quy mô thương mại. Việc nhân giống bơ chủ yếu bằng hạt. Người dân thường lựa chọn hạt từ những cây cho năng suất cao và hy vọng cây giống sẽ thừa hưởng những đặc tính ưu việt của cây mẹ. Hiện nay đã có một số giống bơ được nhân giống bằng cách ghép.

Thành phần của 100 g phần thịt quả bơ  
(Morton, 1987)

STT	Thành phần	Hàm lượng
1	Độ ẩm	65,7-87,5 g
2	Chất xơ	1-2,1 g
3	Nitơ	0,13-0,38 g
4	Tro	0,46-1,68 g
5	Kali	400 mg
6	Phosphor	25 mg
7	Calci	7 mg
8	Natri	6 mg
9	Đồng	0,16 mg
10	Sắt	0,5 mg
11	Mangan	0,08 mg
12	Vitamin C	13 mg
13	Vitamin E	3 mg
14	Niacin	1,45 mg
15	Pyridoxin	0,45 mg
16	Riboflavin	0,21 mg
17	Carotene	0,13 mg
18	Acide folic	0,18 mg
19	Thiamin	0,08 mg

Mùa vụ bơ chính là từ tháng 5 đến tháng 10 hằng năm. Mặc dù bơ có thể có quả quanh năm nhưng số lượng quả trái vụ ít hơn.

Đặc điểm nổi bật nhất trong trái bơ là hàm lượng dầu cao, giá trị của dầu bơ chính là các acide béo không no. Dầu tổng số trong trái bơ là cơ sở để xác định các thời điểm thu hoạch bơ, đồng thời hàm lượng chất khô là một chỉ tiêu phổ biến để xác định giá trị thương mại cho trái bơ. Hàm lượng chất khô trong trái bơ có sự tương quan nhất định với dầu tổng số.

### Công dụng của trái bơ

Các nhà dinh dưỡng và y học đã phát hiện rất nhiều đặc tính ở trái bơ có thể khai thác để phục vụ cho sản xuất mỹ phẩm, dược phẩm và thực phẩm chức năng.

- Dầu bơ có khả năng làm giảm cholesterol trong máu, giúp giảm nguy cơ tim mạch. Ngoài ra nó còn được sử dụng rộng rãi trong mỹ phẩm nhờ khả năng chống oxy hóa tốt và khả năng xâm nhập vào da nhanh.

- Bơ rất giàu natri do đó giúp giảm nguy cơ huyết áp cao; điều trị rối loạn tiêu hóa; bảo vệ da khỏi các tia cực tím; ngăn ngừa và kìm hãm các bệnh ung thư vú và tuyến tiền liệt; cung cấp nhiều khoáng chất cần thiết cho cơ thể như: kali, calci, vitamin C, vitamin K, acide folic, đồng, natri, chất xơ. Những người sống ở xứ nóng thường mất nhiều khoáng chất và nước nên tăng cường ăn bơ.

- Bơ có tác dụng tăng khả năng hấp thu carotenoid của cơ thể, chất giúp cải thiện sức khỏe con người.

### Bảo quản bơ

Trong điều kiện của nước ta, để đáp ứng nhu cầu vận chuyển trong nước, có thể bảo quản bơ sáp và bơ mỡ trong túi polyethylene ở nhiệt độ 10°C, thời gian 15-18 ngày sau thu hoạch.■

\* **Thực hiện kế hoạch năm 2010**, trong thời gian từ ngày 7-11/9/2010, đoàn thanh tra của Sở KHCN đã thanh tra 20 cửa hàng kinh doanh xăng dầu, kết quả được ghi nhận như sau: Chất lượng xăng tại đa số các cửa hàng được kiểm tra đều đạt yêu cầu; các tem, niêm chì đều đúng quy định; việc ghi nhãn hiệu, logo quảng cáo, thông tin đều được các doanh nghiệp chấp hành tốt. Tuy nhiên qua kiểm tra cũng có 2 trường hợp vi phạm về đo lường: sai số vượt mức cho phép, mất niêm chì. Thanh tra Sở đã ra quyết định xử phạt về chất lượng và đo lường với các doanh nghiệp sai phạm, tổng số tiền là 41 triệu đồng.

\* **Trong 2 ngày 20-21/10/2010**, tại tỉnh Đắk Nông đã diễn ra Hội thảo KHCN các tỉnh Tây Nguyên và Phú Yên mở rộng với sự tham dự của 16 sở KHCN và các viện, trường. Với chủ đề *Thực trạng và giải pháp tăng cường hoạt động KHCN cơ sở*, nhiều báo cáo tham luận, nhiều cách làm hay, quản lý giỏi của cấp cơ sở đã được trình bày tại hội thảo. Thứ trưởng Bộ KHCN – Nguyễn Văn Lạng đã hoan nghênh, biểu dương những hoạt động quản lý KHCN cấp cơ sở có hiệu quả của các tỉnh Lâm Đồng, Đồng Nai. Thứ trưởng cũng ghi nhận sẽ đưa hoạt động tổng kết các mô hình quản lý hoạt động KHCN cấp huyện hàng năm vào chương trình của Bộ; làm cơ sở để ngày càng hoàn thiện Thông tư số 05/2008/TTLT/BKHCN-BNV ngày 18/6/2008 của Bộ KHCN và Bộ Nội vụ *Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện*.

\* **Chuẩn bị cho việc triển khai nhiệm vụ KHCN năm 2011**, Sở KHCN đã tổ chức mở hồ sơ 4 nhiệm vụ để tuyển chọn tổ chức/cá nhân thực hiện. Cụ thể như sau:

2 đề tài có 1 đơn vị dự tuyển: *Nghiên cứu hiệu quả sử dụng phân đạm trên một số cây trồng chính tỉnh Lâm Đồng; Điều tra, đánh giá trữ lượng, chất lượng nước khoáng Cacbonic Madagui và đề xuất giải pháp khai thác sử dụng hợp lý*.

1 đề tài có 4 đơn vị dự tuyển: *Nghiên cứu giải pháp tổng thể cho việc quản lý và xử lý phế thải nông nghiệp (Crop Residue) tại thành phố Đà Lạt*.

1 đề tài có 3 đơn vị dự tuyển: *Đánh giá kết quả việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và đề xuất giải pháp thực hiện có hiệu quả trong thời gian tới ở tỉnh Lâm Đồng*.

Các hồ sơ tham gia dự tuyển đều đạt yêu cầu. Sở Khoa học và Công nghệ sẽ tiến hành các bước tiếp theo để lựa chọn những tổ chức/cá nhân có đủ năng lực thực hiện đề tài, đáp ứng yêu cầu của địa phương.

#### **Tin nghiệm thu đề tài/dự án**

+ Đề tài *"Nghiên cứu công nghệ và thiết kế, chế tạo nhà lưới, nhà màng phù hợp với các vùng sinh thái tại Đà Lạt, Đơn Dương, Đức Trọng tỉnh Lâm Đồng"* do Trường Đại học Nông lâm thành phố Hồ Chí Minh thực hiện. Qua khảo sát các loại nhà kính, nhà màng tại Lâm Đồng, nhóm nghiên cứu đưa ra những ưu, nhược điểm của các loại nhà kính, nhà màng này và đề xuất kiểu nhà màng cố định dạng mái vòm và kiểu nhà màng cố định dạng 2 mái. Với 2 kiểu nhà màng này thì việc chế tạo, lắp đặt đơn giản, giá thành phù hợp, có thể sử dụng các nguyên vật liệu tại địa phương kết hợp khung hiện đại, đảm bảo yêu cầu nhiệt độ, ẩm độ, độ thông thoáng phù hợp cho các loại cây trồng như dâu tây, hoa cắt cành, cà chua, rau,... Đồng thời, đề tài cũng nghiên cứu thiết kế mô hình lý thuyết về nhà lưới, nhà màng phù hợp với chương trình nông nghiệp công nghệ cao của tỉnh.

+ Đề tài *Nghiên cứu thực trạng ô nhiễm môi trường đất nông nghiệp vùng chuyên canh rau, hoa tỉnh Lâm Đồng (Đà Lạt, Lạc Dương, Đơn Dương, Đức Trọng) và đề xuất các giải pháp xử lý, khắc phục* do Trung tâm Nghiên cứu đất, phân bón và môi trường phía Nam thực hiện. Qua điều tra, khảo sát và thu thập thông tin, đề tài đã tiến hành phân tích hiện trạng ô nhiễm môi trường đất và dự báo khả năng gây ô nhiễm của các kim loại nặng, vi sinh vật, hóa chất, thuốc BVTV, trên cơ sở đó đề xuất giải pháp và mô hình xử lý, khắc phục và hạn chế ô nhiễm môi trường đất nông nghiệp. Kết quả của đề tài có ý nghĩa thiết thực đối với kinh tế - xã hội và môi trường, thấy rõ được ảnh hưởng của việc canh tác nông nghiệp đến môi trường đất hiện tại và tương lai để có các biện pháp ngăn chặn, giảm thiểu những tác động của ô nhiễm đến môi trường đất và sức khỏe con người. ■

# HỘI THAO NGÀNH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ KHU VỰC TÂY NGUYÊN - PHÚ YÊN MỞ RỘNG LẦN THỨ V



# TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

Trung tâm là đơn vị sự nghiệp khoa học được thành lập theo Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2010 của UBND tỉnh Lâm Đồng

## LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

- Phân tích - kiểm nghiệm chất lượng hàng hóa;
- Chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, giám định hàng hoá, thiết bị, công nghệ;
- Nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống;
- Đào tạo trong lĩnh vực phân tích - kiểm nghiệm;
- Cung cấp dịch vụ Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng, bảo hành, bảo trì thiết bị KHCN và dịch vụ KHCN khác;
- Tư vấn, cung cấp dịch vụ về bảo vệ môi trường;
- Liên doanh, liên kết và hợp tác quốc tế.

Thử nghiệm vật liệu xây dựng ►



Phân tích, kiểm nghiệm các chỉ tiêu hoá lý, vi sinh

## NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Với đội ngũ kỹ thuật được đào tạo chuyên sâu và có kinh nghiệm, hệ thống trang thiết bị phòng thí nghiệm hiện đại, được quản lý và vận hành phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Các tiêu chuẩn, phương pháp thử được cập nhật, cán bộ được đào tạo và huấn luyện thường xuyên.

